

Số: **60** /TTr-UBND

Hà Nội, ngày **14** tháng **6** năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 4 của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XV, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương (*dự thảo Nghị quyết đính kèm*), cụ thể:

I. Một số quy định về nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố gồm:

1. Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2. Quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.
3. Quy định mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc thành phố Hà Nội.
4. Quy định nội dung, mức chi thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội.
5. Quy định mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.
6. Quy định trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội.
7. Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. Nguyên tắc chung xây dựng nội dung, mức chi

1. Các nội dung, mức chi đảm bảo theo đúng quy định của Trung ương và thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố.
2. Kế thừa một số nội dung và mức chi quy định theo các Nghị quyết, Quyết định đã ban hành của Thành phố còn phù hợp.

3. Các mức chi đề xuất phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách các cấp.

4. Các nội dung và mức chi cấp Thành phố áp dụng mức tối đa quy định tại các văn bản của Trung ương, giảm dần theo từng cấp, phù hợp với các quy định có tính chất tương tự HĐND Thành phố đã ban hành. Riêng mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại các Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân cấp Thành phố của đối tượng đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra, theo quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC, mức bồi dưỡng tối đa là 96.000 đồng/người/ngày. Hiện tại, mức chi quy định tại Quyết định số 634/QĐ-UBND của UBND Thành phố là 100.000 đồng/người/ngày. Để kế thừa mức chi quy định tại Quyết định số 634/QĐ-UBND, UBND Thành phố đề xuất làm tròn mức chi tại nội dung này là 100.000 đồng/người/ngày.

(Nguyên tắc cụ thể của từng quy định theo các Tờ trình liên Sở gửi kèm)

III. Quy định cụ thể một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hà Nội

1.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Trong giai đoạn từ năm 2013-2016, các nội dung và mức chi chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hà Nội đang được thực hiện theo Thông tư số 46/2012/TTLT-BTC-TTCT của Bộ Tài chính và Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Thành phố.

Hiện nay, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (thay thế Thông tư số 46/2012/TTLT-BTC-TTCT). Trong đó, tại Điều 7 Thông tư số 320/2016/TT-BTC quy định: *Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Điều 4 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư này.*

Vì vậy, việc ban hành quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC để thay thế Khoản 6, Phụ lục số 09 Nghị quyết 19/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của HĐND Thành phố và bãi bỏ Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Thành phố là cần thiết; làm cơ sở để triển khai thực hiện trên địa bàn Thành phố.

1.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại các Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân trên địa bàn thành phố Hà Nội được quy định tại Điều 20 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân.

b) Đối tượng áp dụng

- Cán bộ, công chức tại các trụ sở tiếp công dân và địa điểm tiếp công dân được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.

- Cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

1.3. Đề xuất cụ thể

Trên cơ sở đánh giá thực tế của thành phố Hà Nội; để khích lệ động viên đối với người làm công tác tiếp dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Thành phố, UBND Thành phố đề nghị áp dụng mức chi cao hơn 20% mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC đối với cấp Thành phố. Do số lượng vụ việc cũng như tính chất phức tạp của vụ việc giữa các cấp (cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã), mức chi bồi dưỡng sẽ giảm dần theo phân cấp. Đối với mức chi cấp Thành phố của đối tượng đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra, theo quy định tại Quyết định số 634/QĐ-UBND là 100.000 đồng/người/ngày. Tuy nhiên, khi áp dụng mức chi cao hơn 20% mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC là 96.000 đồng/người/ngày. Để kế thừa mức chi quy định tại Quyết định số 634/QĐ-UBND, UBND Thành phố đề xuất làm tròn mức chi tại nội dung này là 100.000 đồng/người/ngày.

Riêng mức chi đối với cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp, nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, đảm bảo y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, UBND Thành phố đề nghị áp dụng mức chi cao hơn 20% mức chi tối đa

quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC đối với cấp Thành phố và mức tối đa theo quy định Thông tư số 320/2016/TT-BTC đối các cấp huyện và cấp xã.

1.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện

- Nguồn kinh phí chi trả bồi dưỡng đối với người làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, gồm: Ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành; nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí khác (nếu có).

- Tiền bồi dưỡng cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 21 Nghị định 64/2014/NĐ-CP thuộc biên chế trả lương của cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm chi trả. Tiền bồi dưỡng cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP do cơ quan có thẩm quyền mời, triệu tập phối hợp chi trả.

b) Kinh phí dự kiến thực hiện

Với các nội dung chi và mức chi nêu trên, dự kiến tổng kinh phí để thực hiện bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hà Nội hàng năm khoảng 8.127 triệu đồng (tăng 739 triệu đồng so với mức chi cũ).

1.5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/8/2017.

(Chi tiết tại Tờ trình số 2931/TTrLN:STC-TTTP-VPUBNDTP ngày 16/5/2017 của liên ngành: Sở Tài chính - Thanh tra Thành phố - Văn phòng UBND Thành phố)

2. Quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội

2.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Trong giai đoạn từ năm 2013-2016, quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội được thực hiện theo Thông tư số 90/2012/TTLT-BTC-TTCP và Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND Thành phố.

Ngày 26/12/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 327/2016/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước (thay thế cho Thông tư số 90/2012/TTLT-BTC-TTCP); trong đó, tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 327/2016/TT-BTC quy định: “*Căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế triển khai nhiệm vụ của các cơ quan thanh tra nhà nước tại địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh quyết định mức trích (tỷ lệ phần trăm) cụ thể trên tổng số tiền thực nộp vào ngân sách nhà nước đảm bảo không quá mức được trích quy định tại Khoản 1 Điều này.*”

Như vậy, việc ban hành quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội thay thế Khoản 5, Phụ lục số 09 Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của

HĐND Thành phố và bãi bỏ Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 của UBND Thành phố là cần thiết.

2.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

b) Đối tượng áp dụng: Thanh tra Thành phố; Thanh tra sở, ngành; Thanh tra quận, huyện, thị xã.

2.3. Đề xuất cụ thể

Để khích lệ động viên cán bộ công chức làm công tác thanh tra của Thành phố, Ủy ban nhân dân đề nghị quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội bằng mức trích tối đa tại Thông tư số 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính.

2.4. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/8/2017.

(Chi tiết tại Tờ trình số 2855/TTrLN:STC-TTTP ngày 12/5/2017 của liên ngành: Sở Tài chính - Thanh tra Thành phố).

3. Quy định mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc thành phố Hà Nội

3.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Trong giai đoạn từ năm 2014 - 2016, theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội quy định: “*Kinh phí giám sát và phản biện xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm theo kế hoạch hàng năm do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp lập kế hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt*”.

Ngày 28/12/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 337/2016/TT-BTC quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 337/2016/TT-BTC quy định: “*UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp quyết định nội dung chi, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Điều 5 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 5 Thông tư này*”.

Như vậy, việc ban hành quy định mức chi bảo đảm hoạt động giám sát phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

các cấp thành phố Hà Nội làm cơ sở để triển khai trên địa bàn Thành phố là cần thiết.

3.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội.

b) Đối tượng áp dụng: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội.

3.3. Đề xuất cụ thể

a) Các nội dung chi Bộ Tài chính quy định mức tối đa tại Thông tư số 337/2016/TT-BTC và giao Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể: Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị quy định mức chi tối đa quy định tại Điểm b Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 5 Thông tư số 337/2016/TT-BTC đối với cấp Thành phố và giảm dần theo phân cấp (cấp huyện, cấp xã). Trường hợp mức chi thấp hơn mức chi quy định tại Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố Hà Nội đang thực hiện, đề xuất áp dụng mức chi bằng mức quy định tại Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND nhưng không quá 20% mức chi quy định tại Điều 5 Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính.

b) Mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính (có hiệu lực từ 01/7/2017).

3.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Về nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện

Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp đó thực hiện.

b) Kinh phí dự kiến thực hiện

Với các nội dung chi và mức chi nêu trên, dự kiến tổng kinh phí để thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội hàng năm là: 3.428 triệu đồng (tăng 2.479 triệu đồng so với mức chi cũ).

3.5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/8/2017.

(Chi tiết tại Tờ trình số 2878/TTr-STC ngày 15/5/2017 của Sở Tài chính)

4. Quy định nội dung, mức chi thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội

4.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Ngày 16/7/2009, thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND về việc tập trung người lang thang xin ăn, người tâm thần

lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội; trong đó, giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành lập Đội trật tự xã hội lưu động thuộc các Trung tâm Bảo trợ xã hội để tập trung đối tượng lang thang. Ngày 30/8/2010, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND. Từ khi thực hiện Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND và Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND đến nay đã cơ bản giải quyết được tình trạng người lang thang xin ăn, người tâm thần lang thang trên địa bàn Thành phố; góp phần ổn định an ninh, trật tự, mỹ quan đô thị, đặc biệt tại các địa điểm danh lam thắng cảnh, đình, chùa, đền, miếu,... không còn tình trạng người lang thang xin ăn.

Mức kinh phí thực hiện công tác tập trung người lang thang theo Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND được xây dựng vào năm 2009, thời điểm mức lương cơ bản năm 2009 là 650.000 đồng; trong khi, mức lương cơ bản đang áp dụng hiện nay là 1.210.000 đồng và theo lộ trình tăng lương cơ bản đến tháng 7/2017 là 1.300.000 đồng (tăng 2 lần so với năm 2009); mức chuẩn trợ cấp xã hội năm 2009 là 150.000 đồng/người/tháng (hệ số 1), hiện mức chuẩn trợ cấp xã hội đang áp dụng là 350.000 đồng/người/tháng (hệ số 1) (tăng gấp 2,3 lần).

Một số căn cứ trong Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND đã hết hiệu lực: Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ và Thông tư số 09/2007/TT-BLĐTBXH ngày 13/7/2007 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Như vậy, việc ban hành quy định nội dung, mức chi thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội là cần thiết để thực hiện tốt hơn công tác giải quyết tình trạng người lang thang; giữ gìn trật tự, cảnh quan đô thị; góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn Thủ đô.

4.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: quy định nội dung, mức chi thực hiện công tác tập trung, tiếp nhận người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Đối tượng áp dụng

UBND xã, phường, thị trấn; cơ sở bảo trợ xã hội; cơ sở y tế được giao nhiệm vụ thực hiện công tác tập trung, tiếp nhận người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4.3. Đề xuất cụ thể

a) Hỗ trợ công tác tập trung người lang thang do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện, mức 365.000 đồng/đối tượng.

b) Hỗ trợ công tác tập trung, lập hồ sơ, tiếp nhận bàn giao người lang thang do Trung tâm Bảo trợ xã hội thực hiện:

- Kinh phí thực hiện công tác tập trung người lang thang của Trung tâm Bảo trợ xã hội, mức 300.000 đồng/đối tượng;

- Lập hồ sơ, tiếp nhận bàn giao người lang thang, mức 310.000 đồng/đối tượng;

- Chi phí xăng xe đưa người lang thang về Trung tâm Bảo trợ xã hội: 14 lít/lượt vận chuyển;

- Hỗ trợ người lang thang về địa phương, nơi cư trú: theo thực tế giá vé phương tiện vận tải công cộng.

c) Chi phí tiếp nhận, vận chuyển; hỗ trợ cơ sở y tế lập bệnh án, liên lạc và điều trị người mắc bệnh tâm thần đi lang thang, người lang thang ốm yếu suy kiệt, mức 2.900.000 đồng/đối tượng/đợt điều trị 10 ngày.

4.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn kinh phí

- Ngân sách xã, phường, thị trấn đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ do xã, phường, thị trấn thực hiện.

- Ngân sách Thành phố đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ do Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Y tế thực hiện.

b) Kinh phí dự kiến thực hiện năm 2017: 1.112, 675 triệu đồng/năm, tăng 282,959 triệu đồng/năm so với mức chi theo Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND và Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND của UBND Thành phố.

4.5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/8/2017.

(Chi tiết tại Tờ trình số 751/TTrLS:LĐTBXH-TC ngày 27/3/2017 của liên Sở: Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính)

5. Quy định mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng

5.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; ngày 08/10/2014, Liên Bộ: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng, thay thế Thông tư liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 24/02/2012 của Liên Bộ: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội hiện đang được UBND thành phố Hà Nội triển khai tại Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013 về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

Ngày 09/9/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 136/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện

bắt buộc. Trong đó đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến chế độ của đối tượng cai nghiện bắt buộc.

Một số nội dung tại Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH không quy định mức chi cụ thể mà giao cho địa phương căn cứ tình hình thực tiễn để ban hành và thẩm quyền ban hành thuộc Thành phố¹.

Căn cứ Điểm h, Khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định: HĐND Thành phố có thẩm quyền “*Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”; Điểm c, Khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 quy định: HĐND có thẩm quyền “*Quyết định các nội dung liên quan đến phí, lệ phí theo quy định của pháp luật; các khoản đóng góp của nhân dân*”.

Như vậy, việc ban hành quy định mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng là cần thiết.

5.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị; cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện và cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

- Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện và người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo Luật Phòng, chống ma túy.

5.3. Đề xuất cụ thể

a) Đối với cai nghiện bắt buộc

- Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe

¹ Khoản 12, Điều 5; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điểm d, Khoản 3, Điều 10; Điều 11; Điều 12; Khoản 3, Điều 13 Thông tư 148 liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH quy định tùy điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp.

+ Tiền thuốc cắt cơn: đề nghị tiếp tục áp dụng mức chi tại Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND, cụ thể là 650.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

+ Khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần: mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp là 210.000 đồng/người/lần.

- Tiền học nghề học viên cai nghiện bắt buộc: quy định tiền học nghề cho đối tượng cai nghiện bắt buộc theo đúng quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Mức 2.000.000 đồng/người/khóa học (không hỗ trợ tiền học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ 2 trở đi đã được học nghề). Hình thức học nghề thực hiện theo Điểm b Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH.

b) Các khoản đóng góp đối với người cai nghiện tự nguyện không có hộ khẩu thường trú, tạm trú dài hạn tại Hà Nội

Người cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện trên địa bàn Thành phố không thuộc đối tượng được Thành phố hỗ trợ kinh phí cai nghiện tự nguyện (người không có hộ khẩu thường trú, tạm trú dài hạn tại Hà Nội) phải đóng góp chi phí trong thời gian 06 tháng cai nghiện, áp dụng mức theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố, cụ thể như sau:

- Tiền ăn: 0,8 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

- Vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện là nữ): 0,45 lần mức lương cơ sở/người/6 tháng.

- Tiền thuốc cắt cơn, thuốc thông thường; xét nghiệm phát hiện chất ma túy: 650.000 đồng/người/6 tháng.

- Tiền hoạt động văn hóa, thể thao: 10.000 đồng/người/tháng.

- Điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

c) Cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

- Chi hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình, cộng đồng: mức hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng giữ nguyên theo Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND, mức tối đa 350.000 đồng/người/tháng.

- Các khoản đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng; chế độ miễn, giảm đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng: đề nghị tiếp tục thực hiện bằng mức kinh phí quy định tại Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND.

5.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn kinh phí thực hiện: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 3, Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08/10/2014; trong đó:

- Các nội dung chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng; chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng: do ngân sách xã, phường, thị trấn đảm bảo.

- Các nội dung chỉ cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định cải thiện bắt buộc: do ngân sách Thành phố đảm bảo.

b) Kinh phí dự kiến thực hiện: Tổng kinh phí dự kiến hàng năm khoảng 2.178,5 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách xã, phường, thị trấn: 643,5 triệu đồng (không tăng kinh phí so với mức chi cũ).

- Ngân sách Thành phố: 1.535 triệu đồng (tăng so với mức chi cũ là 210 triệu đồng).

5.5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/8/2017.

(Chi tiết tại Tờ trình số 1106 /TTr-LS:LĐTBXH-TC-YT ngày 26/4/2017 của liên Sở: Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính - Y tế)

6. Quy định trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội

6.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về việc trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội. Đây là chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội được thực hiện từ tháng 6/2002 với mức trợ cấp 50.000 đồng/người/tháng; năm 2006 tăng lên 100.000 đồng/người/tháng; năm 2010 tăng lên 200.000 đồng/người/tháng; năm 2011 tăng lên 350.000 đồng/người/tháng *(tương đương mức chuẩn trợ cấp bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội)*.

Đến nay, một số căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định 53/2011/QĐ-UBND đã hết hiệu lực như: Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 được thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 được thay thế bằng Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thẩm quyền ban hành quy định trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

Theo quy định tại Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND Thành phố: “Nguồn kinh phí: Ngân sách Thành phố đảm bảo trong chương trình mục tiêu giảm nghèo hàng năm và được bổ sung có mục tiêu về ngân sách quận, huyện, thị xã”.

Tuy nhiên, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 không hỗ trợ kinh phí cho nội dung này và tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 5/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố

Hà Nội giai đoạn 2017-2020 đã phân cấp trong định mức chi sự nghiệp đảm bảo xã hội của các quận, huyện, thị xã.

Như vậy, việc ban hành Nghị quyết quy định trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội thay thế Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND của UBND Thành phố để phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành là cần thiết.

6.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: quy định trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội.

b) Đối tượng áp dụng: người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo (*giữ nguyên theo quy định tại Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố*).

6.3. Đề xuất cụ thể

Giữ nguyên theo quy định tại Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố: 350.000 đồng/người/ tháng (mức trợ cấp bằng mức chuẩn trợ cấp bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội).

6.4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo.
- Kinh phí dự kiến: $6.500 \text{ người} \times 350.000 \text{ đồng/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 27.300 \text{ triệu đồng}$.

6.5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/8/2017.

(*Chi tiết tại Tờ trình Số 751/TTr-LS:LĐTBXH-TC ngày 27/3/2017 của liên Sở: Lao động thương binh và Xã hội – Tài chính*)

7. Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội

7.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Ngày 28/12/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 338/2016/TT-BTC ban hành quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thay thế Thông tư liên tịch số 92/2014/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 14/7/2014 của Liên ngành: Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp - Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của liên Bộ: Tài chính - Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện

hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Theo đó Khoản 1, Điều 7 quy định “*Căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định mức phân bổ cụ thể đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện cho phù hợp*”.

Như vậy, việc quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội là cần thiết.

7.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Đối tượng áp dụng

Định mức phân bổ được áp dụng cho các cơ quan, đơn vị và các ngành được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo Nghị quyết, quyết định do HĐND, UBND các cấp thuộc Thành phố ban hành.

7.3. Đề xuất cụ thể

Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội theo mức tối đa quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính đối với cấp Thành phố và giảm dần theo phân cấp (cấp huyện, cấp xã), cụ thể:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế:

+ Thành phố là 10 triệu đồng/văn bản.

+ Quận, huyện, thị xã là 8 triệu đồng/văn bản.

+ Xã, phường, thị trấn là 6 triệu đồng/văn bản.

- Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung thì định mức phân bổ bằng 80% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế.

7.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

b) Dự kiến kinh phí: Tổng kinh phí dự kiến thực hiện hàng năm khoảng 9.788 triệu đồng (tăng so với chỉ cũ 904 triệu đồng).

7.5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/8/2017.

(Chi tiết tại Tờ trình Số 919 /TTr-STP-STC ngày 11/5/2017 của liên Sở: Tư pháp – Tài chính).

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố
xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đồng chí PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP N.N.Kỳ, P.C.Công,
T.V.Dũng, KGVX, KT, TKBT, TH;
- Các Sở: TC, LĐTĐ, TP, YT;
- Thanh tra Thành phố;
- Lưu VT, KT.

29253 (56)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

Số: /2017/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Nghị quyết về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền
của Hội đồng nhân dân Thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 4**

(Từ ngày / /2017 đến ngày / /2017)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010;

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013;

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày 9/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Khiếu nại 2011;

Căn cứ Nghị định 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Tố cáo 2011;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP Ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Liên Bộ: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội – Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Liên Bộ: Y tế-Tài chính quy định thống nhất giá khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc;

Căn cứ Thông tư 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Căn cứ Thông tư 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 337/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính ban hành quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình: số /TTr-UBND ngày tháng năm 2017 của UBND Thành phố về quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của các Ban: Kinh tế Ngân sách, Văn hóa xã hội; ý kiến của đại biểu HĐND Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số /BC-UBND ngày / /2017.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

1. Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo*).

2. Quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo*).

3. Quy định mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo*).

4. Quy định nội dung, mức chi thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo*).

5. Quy định mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng (*Chi tiết tại Phụ lục số 05 kèm theo*).

6. Quy định trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo*).

7. Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo*).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2017.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết .

3. Nghị quyết này thay thế Khoản 5, Khoản 6 Phụ lục số 09 Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố và bãi bỏ các Quyết định số: 621/2013/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 về quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; 634/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 về quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của thành phố Hà Nội; 90/2009/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 về việc tập trung nuôi dưỡng người lang thang xin ăn, người tâm thần lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội; 14/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013 về quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng; 41/2010/QĐ-UBND ngày 30/8/2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của

UBND thành phố Hà Nội về việc tập trung nuôi dưỡng người lang thang xin ăn, người tâm thần lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội và 53/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 về việc trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội.

4. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các quy định của Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày / /2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB của UBTWQH;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, LĐTBXH;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

PHỤ LỤC 01

Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hà Nội

*(Kèm theo Nghị Quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hà Nội tại các Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân được quy định tại Điều 20 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cán bộ, công chức tại các trụ sở tiếp công dân và địa điểm tiếp công dân được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.

- Cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

3. Các nội dung, mức chi chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của thành phố Hà Nội:

1. Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân; Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân:

a) Đối tượng chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra:

- Cấp Thành phố: 120.000 đồng/ngày/người
- Cấp huyện: 100.000 đồng/ngày/người
- Cấp xã: 60.000 đồng/ngày/người

b) Đối tượng đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra:

- Cấp Thành phố: 100.000 đồng/ngày/người
- Cấp huyện: 80.000 đồng/ngày/người

2. Cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, đảm bảo y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân; Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh:

- Cấp Thành phố: 60.000 đồng/ngày/người
- Cấp huyện: 50.000 đồng/ngày/người
- Cấp xã: 50.000 đồng/ngày/người

Các nội dung khác không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Kinh phí đảm bảo chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo thực hiện theo quy định; nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn kinh phí khác (nếu có).

- Tiền bồi dưỡng cho các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 21 Nghị định 64/2014/NĐ-CP thuộc biên chế trả lương của cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm chi trả. Tiền bồi dưỡng cho các đối tượng được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Nghị định 64/2014/NĐ-CP do cơ quan có thẩm quyền mời, triệu tập phối hợp chi trả.

PHỤ LỤC 02

Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị Quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng:

Thanh tra Thành phố; Thanh tra sở, ngành; Thanh tra quận, huyện, thị xã.

3. Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội:

a) Đối với Thanh tra Thành phố:

- Được trích 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 10 tỷ đồng/năm;

- Được trích bổ sung thêm 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng/năm;

- Được trích bổ sung thêm 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 20 tỷ đồng/năm.

b) Đối với Thanh tra sở, ngành; Thanh tra quận, huyện, thị xã:

- Được trích 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 2 tỷ đồng/năm;

- Được trích bổ sung thêm 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng/năm;

- Được trích bổ sung thêm 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 3 tỷ đồng/năm.

Các nội dung khác không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật hiện hành.

PHỤ LỤC 03

Quy định các nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị Quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc thành phố Hà Nội.

3. Các nội dung, mức chi cụ thể bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc Thành phố Hà Nội như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi của Thành phố (Đồng)			Ghi chú
			Cấp Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Chi công tác phí cho các đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khảo sát		Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính			
2	Chi tổ chức hội nghị:					
a	Chi tổ chức hội nghị:		Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính			
b	Đối với hội nghị đối thoại, tọa đàm, hội thảo					
	- Chủ trì cuộc họp:	người/ cuộc họp	150.000	100.000	60.000	
	- Thành viên tham dự cuộc họp:	người/ cuộc họp	100.000	80.000	50.000	
	- Chi báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng:	bài viết	500.000	300.000	150.000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi của Thành phố (Đồng)			Ghi chú
			Cấp Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	
3	Chi thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập: Trường hợp thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội có nội dung phức tạp, thuộc lĩnh vực chuyên môn sâu, cần lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh quyết định việc thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập nhưng phải có hợp đồng công việc, có sản phẩm chất lượng được Thủ trưởng đơn vị phê duyệt, số lượng chuyên gia do cơ quan chủ trì quyết định, nhưng tối đa không quá 05 chuyên gia cho nội dung cần thẩm định hoặc tư vấn trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội.	báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn	1.000.000	800.000	500.000	
4	Chi bồi dưỡng thành viên tham gia đoàn giám sát, phản biện xã hội					
	- Thành viên chính thức của đoàn giám sát	người/ ngày	100.000	80.000	50.000	
	- Các thành viên khác	người/ ngày	80.000	50.000	40.000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi của Thành phố (Đồng)			Ghi chú
			Cấp Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	
5	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội (báo cáo theo định kỳ, báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội theo chuyên đề được giao); văn bản kiến nghị: - Báo cáo hoặc văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	báo cáo hoặc văn bản	2.000.000	800.000	400.000	
6	Các khoản chi khác		Thù trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định việc chi tiêu cho các nội dung công việc thực tế phát sinh trong phạm vi kinh phí phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao			

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp đó thực hiện.

PHỤ LỤC 04

Nội dung, mức chi công tác tập trung, tiếp nhận người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh: quy định nội dung, mức chi thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

- Người lang thang xin ăn (kể cả người đi cùng); người dẫn theo trẻ em, người khuyết tật để bán hàng rong, đeo bám, chèo kéo người đi đường; người cao tuổi, trẻ em bị đi lạc gia đình; người lang thang sinh sống nơi công cộng trong dịp Tết Nguyên đán hoặc thời tiết rét đậm dưới 10C.

- Người mắc bệnh tâm thần đi lang thang được đưa đến các bệnh viện tâm thần.

- Người lang thang ốm yếu suy kiệt được đưa đến các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế để điều trị ổn định.

3. Các nội dung, mức kinh phí thực hiện công tác tập trung người lang thang:

(a) Hỗ trợ công tác tập trung người lang thang do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện, mức 365.000 đồng/đối tượng.

(b) Hỗ trợ công tác tập trung, lập hồ sơ, tiếp nhận bàn giao người lang thang do Trung tâm Bảo trợ xã hội thực hiện:

- Kinh phí thực hiện công tác tập trung người lang thang của Trung tâm Bảo trợ xã hội, mức 300.000 đồng/đối tượng.

- Lập hồ sơ, tiếp nhận bàn giao người lang thang, mức 310.000 đồng/đối tượng.

- Chi phí xăng xe đưa người lang thang về Trung tâm Bảo trợ xã hội: 14 lít/luợt vận chuyển.

- Hỗ trợ người lang thang về địa phương, nơi cư trú: theo thực tế giá vé phương tiện vận tải công cộng.

(c) Chi phí tiếp nhận, vận chuyển; hỗ trợ cơ sở y tế lập bệnh án, liên lạc và điều trị người mắc bệnh tâm thần đi lang thang, người lang thang ốm yếu suy kiệt, mức 2.900.000 đồng/đối tượng/đợt điều trị 10 ngày.

(Chi tiết tại Biểu kèm theo).

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

(a) Ngân sách xã, phường, thị trấn đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ do xã, phường, thị trấn thực hiện.

(b) Ngân sách Thành phố đảm bảo cho công tác quản lý, vận chuyển, điều trị, tiếp nhận, bàn giao cho các đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế.

**Biểu mức chi công tác tập trung, tiếp nhận người lang thang
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Phụ lục 04 Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng
năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	NỘI DUNG	Mức hỗ trợ (đồng/đối tượng)
I	Hỗ trợ tập trung người lang thang do UBND xã, phường, thị trấn thực hiện, gồm:	365.000
	- Cán bộ thực hiện kiểm tra, tập trung người lang thang: 3 cán bộ x 100.000đ/cán bộ	300.000
	- Lập hồ sơ, biên bản	5.000
	- Điện thoại liên lạc	10.000
	- Hỗ trợ suất ăn cho đối tượng trong thời gian lưu trú	40.000
	- Vệ sinh địa điểm lưu trú	10.000
II	Hỗ trợ tập trung, tiếp nhận bàn giao người lang thang do Trung tâm Bảo trợ xã hội thực hiện:	
1	Công tác kiểm tra, tập trung người lang thang 3 cán bộ x 100.000 đồng/cán bộ	300.000
2	Công tác tiếp nhận bàn giao, lập hồ sơ người lang thang:	310.000
	- Cán bộ thực hiện: 3 cán bộ x 80.000đ/cán bộ	240.000
	- Thuốc thông thường	10.000
	- Lập biên bản, phiếu lưu, chụp ảnh	20.000
	- Tem thư, giấy báo	10.000
	- Điện thoại liên lạc	20.000
	- Vệ sinh xe chở người lang thang	10.000
3	Vận chuyển:	14 lít/lượt vận chuyển, theo giá xăng thực tế
4	Hỗ trợ người lang thang trở về địa phương, nơi cư trú	Theo thực tế giá vé phương tiện vận tải công cộng
III	Sở Y tế	
1	Chi phí vận chuyển bệnh nhân	200.000
2	Chi lập bệnh án	30.000
3	Chi phí điều trị bệnh nhân (trung bình 10 ngày/đợt)	2.650.000
	- Thuốc	550.000
	- Dịch truyền	50.000
	- Vật tư tiêu hao	150.000
	- Tiền ăn cho bệnh nhân	400.000
	- Tiền giường bệnh	1.500.000
	- Tiền giường bệnh	20.000
4	Chi phí liên lạc, tìm người thân	
5	Chi khác (đối với trường hợp bệnh nhân tử vong, không tìm	

TT	NỘI DUNG	Mức hỗ trợ (đồng/đối tượng)
	được thân nhân trong vòng 24 giờ)	
	- Trung cầu giám định pháp y: thực hiện theo phiếu thu thực tế của cơ quan giám định pháp y đối với từng trường hợp cụ thể	
	- Mai táng phí: Người lang thang chết tại bệnh viện không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ, áp dụng mức thu thấp nhất theo quy định của Ban Phục vụ lễ tang Hà Nội tại thời điểm tử vong.	

PHỤ LỤC 05

Quy định mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

(Kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện và cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

- Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Người nghiện ma túy tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy; người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

3. Các nội dung, mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

3.1. Các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

a) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội; thuốc chữa bệnh thông thường là 650.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

b) Khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần: mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp, tối đa là 210.000 đồng/người/lần.

c) Tiền học nghề: Hỗ trợ học nghề trình độ sơ cấp nghề cho đối tượng cai nghiện bắt buộc 2.000.000 đồng/người/khóa học (không hỗ trợ tiền học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ 2 trở đi đã được học nghề).

Hình thức học nghề: thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 7 Điều 5 Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Liên Bộ: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

3.2. Các khoản đóng góp đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện ma túy

Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện trên địa bàn Thành phố không thuộc đối tượng được Thành phố hỗ trợ kinh phí phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở cơ sở cai nghiện, gồm các khoản chi phí sau:

- a) Tiền ăn: 0,8 lần mức lương cơ sở/người/tháng.
- b) Vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện là nữ): 0,45 lần mức lương cơ sở/người/6 tháng.
- c) Tiền thuốc cắt cơn, thuốc thông thương; xét nghiệm phát hiện chất ma túy: 650.000 đồng/người/6 tháng.
- d) Tiền hoạt động, văn nghệ, thể thao: 10.000 đồng/người/tháng.
- đ) Điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

3.3. Cai nghiện tại gia đình, cộng đồng: Chi hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; chế độ đóng góp và miễn, giảm đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng

- a) Chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng: mức tối đa là 350.000 đồng/người/tháng.

Số lượng thành viên Tổ công tác cai nghiện ma túy: thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA ngày 10/02/2012 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Công an quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/09/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

- b) Các khoản đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng

- Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 200.000 đồng/người.

- Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: Nếu cai cắt cơn bằng thuốc Cedemex: 600.000 đồng/người. Nếu cai cắt cơn bằng thuốc Bông Sen: 2.700.000 đồng/người/đợt điều trị.

- Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

- Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có): Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐT BXH-BGD&ĐT-BYT ngày 18/01/2006 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội-Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.

c) Chế độ miễn, giảm: Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng được xét miễn hoặc giảm một phần chi phí trong thời gian cai nghiện tập trung tại cộng đồng:

- Chế độ miễn: Đối với người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người bị nhiễm HIV/AIDS; người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật; ngoài tiền thuốc, tiền ăn được hỗ trợ trong thời gian cai nghiện tập trung còn được miễn một số khoản chi phí như sau:

+ Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 200.000 đồng/người.

+ Tiền thuốc cai nghiện ma túy (phân chênh lệch giữa trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ): 200.000 đồng/người.

+ Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có): Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐT BXH-BGD&ĐT-BYT ngày 18/01/2006 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.

- Chế độ giảm: Đối với người thuộc hộ cận nghèo được giảm 50% các khoản đóng góp cho nội dung chi phí, cụ thể người cai nghiện ma túy hoặc gia đình có trách nhiệm đóng góp như sau:

+ Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 100.000 đồng/người.

+ Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 100.000 đồng/người/lần chấp hành

+ Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có): đóng góp 50% chi phí (nếu có).

+ Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 20.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

4.1. Kinh phí chi hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; chế độ miễn, giảm đối với người nghiện ma túy cai

nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách xã, phường, thị trấn hàng năm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4.2. Kinh phí chi tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội, thuốc chữa bệnh thông thường; khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần; tiền học nghề cho học viên cai nghiện bắt buộc được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách Thành phố hàng năm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

PHỤ LỤC 06

Quy định chính sách trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định chính sách trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng: Người thuộc hộ nghèo là người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động của thành phố Hà Nội.

3. Mức trợ cấp: 350.000 đồng/người/tháng.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí trợ cấp cho người thuộc hộ nghèo là người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động của thành phố Hà Nội do ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo và được bố trí trong dự toán giao hàng năm.

PHỤ LỤC 07

Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

Định mức phân bổ được áp dụng cho các cơ quan, đơn vị và cá nhân được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo nghị quyết, quyết định do HĐND, UBND các cấp thuộc thành phố Hà Nội ban hành.

3. Định mức kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế:

- Thành phố là 10 triệu đồng/văn bản;
- Quận, huyện, thị xã là 8 triệu đồng/văn bản;
- Xã, phường, thị trấn là 6 triệu đồng/văn bản;

b) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung thì định mức phân bổ bằng 80% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế;

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và các quy định hiện hành.

4. Về nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện

Kinh phí thực hiện xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
LIÊN SỐ: LAO ĐỘNG THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI - TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Số: 751/TTr-LS:LĐTBXH-TC

TỜ TRÌNH

Về việc	
Số: 121/4	ĐẾN
Ngày: 3-4	
Chuyên: LL	
Lưu hồ sơ số:	

ban hành nội dung, mức chi thực hiện công tác tập trung
người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Chương trình công tác số 22/CTr-UBND ngày 02/02/2017 của UBND Thành phố và công văn số 705/UBND-TH ngày 22/02/2017 của UBND Thành phố về việc rà soát, chuẩn bị các nội dung trình kỳ họp giữa năm 2017 của HĐND Thành phố, trong đó giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp Sở Tài chính chuẩn bị báo cáo tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định về tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội. Sau khi nghiên cứu, Liên Số: Lao động Thương binh và Xã hội – Tài chính kính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản:

1. Cơ sở pháp lý:

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009;

Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010;

Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội;

Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội – Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 78/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 về quy định mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng và tại các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND Thành phố về tập trung nuôi dưỡng người lang thang xin ăn, tâm thần lang thang trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND ngày 30/8/2010 của UBND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND Thành phố về việc tập trung nuôi dưỡng người lang thang xin ăn, tâm thần lang thang trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Công văn số 5217/UBND-NC ngày 7/9/2016 của UBND Thành phố về xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND Thành phố phù hợp với quy định của các Luật mới có hiệu lực.

2. Sự cần thiết ban hành văn bản:

Thủ đô Hà Nội trung tâm chính trị, kinh tế, giáo dục, văn hóa xã hội có nhiều danh lam thắng cảnh thu hút du khách đến tham quan, công tác và học tập; tuy nhiên trên địa bàn Thành phố thường xuất hiện người lang thang xin ăn đeo bám du khách gây mất mỹ quan đô thị, ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Thành phố hòa bình, thân thiện.

Ngày 16/7/2009, thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND về việc tập trung người lang thang xin ăn, người tâm thần lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành lập Đội trật tự xã hội lưu động thuộc các Trung tâm Bảo trợ xã hội để tập trung đối tượng lang thang. Từ khi thực hiện Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND đến nay đã cơ bản giải quyết được tình trạng người lang thang xin ăn, người tâm thần lang thang trên địa bàn Thành phố, góp phần ổn định an ninh trật tự, mỹ quan đô thị. Hai Đội trật tự xã hội lưu động được thành lập, trực 24/24 giờ và hoạt động có hiệu quả. Trên địa bàn Thành phố, đặc biệt tại các địa điểm danh lam thắng cảnh, đền, chùa... cơ bản không còn tình trạng người lang thang xin ăn. Từ năm 2009 đến hết năm 2016 đã tập trung giải quyết được 5.858 lượt người với tổng kinh phí là 5.949 triệu đồng.

Tuy nhiên trong thời gian gần đây, trên địa bàn Thành phố xuất hiện một số đối tượng lợi dụng trẻ em và người khuyết tật để bán hàng rong, đeo bám, chèo kéo người đi đường. Hành vi này có dấu hiệu vi phạm các quy định của Luật Trẻ em, Luật người khuyết tật ... Bên cạnh đó, một số người cao tuổi, trẻ em lang thang do bị đi lạc gia đình cần được trợ giúp để đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe và hỗ trợ để trở về gia đình. Vào dịp Tết Nguyên đán hoặc thời tiết rét đậm dưới 10°C hàng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố đồng ý chủ trương giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội tiếp nhận, đưa người lang thang trên địa bàn đến các Trung tâm Bảo trợ xã hội chăm sóc, đảm bảo an toàn sức khỏe, tính mạng và đón Tết cổ truyền của dân tộc (thời gian tối đa không quá 10 ngày).

Mức kinh phí thực hiện công tác tập trung người lang thang theo Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND được xây dựng vào năm 2009, thời điểm mức lương cơ bản năm 2009 là 650.000 đồng, mức lương cơ bản đang áp dụng hiện nay là 1.210.000 đồng và theo lộ trình tăng lương cơ bản đến tháng 7/2017 là 1.300.000 đồng (tăng 2 lần so

với năm 2009); Mức chuẩn trợ cấp xã hội năm 2009 là 150.000 đồng/người/tháng (hệ số 1), hiện mức chuẩn trợ cấp xã hội đang áp dụng là 350.000 đồng/người/tháng (hệ số 1) đã tăng gấp 2,3 lần.

Một số căn cứ trong Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND đã hết hiệu lực: Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ và Thông tư số 09/2007/TT-BLĐTBXH ngày 13/7/2007 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng văn bản:

1. Mục đích

Thực hiện tốt hơn công tác giải quyết tình trạng người lang thang; giữ gìn trật tự, cảnh quan đô thị; hỗ trợ người lang thang nơi ăn, ngủ tạm thời trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú; điều trị ổn định cho người bị mắc bệnh tâm thần đi lang thang và lang thang ốm yếu suy kiệt, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn Thủ đô.

2. Quan điểm xây dựng:

- Thực hiện đúng các văn bản pháp luật hiện hành;
- Căn cứ tình hình thực tế bổ sung một số đối tượng lang thang cần được bảo vệ khẩn cấp và hỗ trợ họ trở về gia đình (Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 68/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố được quy định các đối tượng khác được tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội).
- Quy trình tập trung, giải quyết người lang thang về cơ bản giữ nguyên theo Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND và quy định cụ thể phù hợp với thực tế triển khai thực hiện.
- Mức chi cho công tác tập trung, nuôi dưỡng người lang thang được tính toán, xây dựng trên cơ sở mức lương tối thiểu của Chính phủ, mức chuẩn trợ cấp xã hội và giá cả bình quân trên thị trường thời điểm hiện nay.

III. Quá trình xây dựng dự thảo

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc chuẩn bị nội dung kỳ họp thứ 14 Hội đồng nhân dân khóa XV và để góp phần đảm bảo an sinh xã hội, xây dựng thành phố Hà Nội văn minh, hiện đại, công tác giải quyết tình trạng người lang thang trên địa bàn Thành phố là rất cần thiết, Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Sở Tài chính nghiên cứu trình UBND Thành phố về việc quy định mức chi thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã lấy ý kiến góp ý của các Sở, ngành liên quan: Tài chính, Y tế, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Tư pháp, Công an Thành phố và các đơn vị có liên quan. Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 1840/STP-VBPQ ngày 27/9/2016.

IV. Nội dung cơ bản của văn bản:

1. Người lang thang được tập trung gồm:

- Người lang thang xin ăn (kể cả người đi cùng); người dẫn theo trẻ em, người khuyết tật để bán hàng rong, đeo bám, chèo kéo người đi đường; người cao tuổi, trẻ em bị đi lạc gia đình; người lang thang sinh sống nơi công cộng trong dịp Tết Nguyên đán hoặc thời tiết rét đậm dưới 10°C được đưa đến các cơ sở Bảo trợ xã hội của Thành phố để chăm sóc, nuôi dưỡng, chờ đưa về nơi cư trú hoặc nuôi dưỡng lâu dài đối với người chưa xác định được địa chỉ.

- Người mắc bệnh tâm thần đi lang thang được đưa đến các bệnh viện tâm thần.

- Người lang thang ốm yếu suy kiệt được đưa đến các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế để điều trị ổn định.

2. Quy trình kiểm tra, tiếp nhận người lang thang.

2.1. Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

- Kiểm tra, phát hiện, đưa người lang thang về địa điểm lưu trú tạm thời.

- Thông báo, lập biên bản, bàn giao đối tượng cho Trung tâm vận chuyển cấp cứu 115, các bệnh viện thuộc Sở Y tế hoặc Trung tâm Bảo trợ xã hội. Cụ thể:

- + Người mắc bệnh tâm thần đi lang thang và người lang thang ốm yếu suy kiệt do Trung tâm vận chuyển cấp cứu 115 hoặc các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế chịu trách nhiệm tiếp nhận.

- + Người lang thang khác do Trung tâm Bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tiếp nhận.

2.2. Đối với Trung tâm Bảo trợ xã hội (Sở Lao động- Thương binh và Xã hội)

- Trực tiếp kiểm tra, tập trung người lang thang hoặc tiếp nhận từ các địa phương.

- Tiếp nhận, lập biên bản, đưa người lang thang về trung tâm Bảo trợ xã hội chăm sóc, nuôi dưỡng, xác minh địa chỉ, chờ đưa về nơi cư trú. Trong thời gian tối đa 30 ngày, người lang thang được giải quyết như sau:

- + Cung cấp thông tin chính sách, pháp luật liên quan về người lang thang; nội quy, quy định của Trung tâm; quyền lợi, trách nhiệm của đối tượng; xác định nơi cư trú, giải quyết thủ tục để gia đình đón đối tượng về nơi cư trú.

- + Đối với người lang thang vi phạm lần thứ 2 trở lên hoặc chưa xác định được nơi cư trú: Lập hồ sơ gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội ra quyết định tiếp nhận vào Trung tâm BTXH, thời gian nuôi dưỡng không quá 03 tháng (theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định 136/2013/NĐ-CP). Định kỳ, Trung tâm đánh giá, nhận xét tình trạng sức khỏe, ý thức chấp hành nội quy, lao động của đối tượng làm căn cứ xem xét giải quyết bảo lãnh.

- + Định kỳ, Trung tâm BTXH lập danh sách đối tượng lang thang chưa xác định được nơi cư trú về Sở Lao động Thương binh và Xã hội xem xét quyết định thời gian

+ Định kỳ, Trung tâm BTXH lập danh sách đối tượng lang thang chưa xác định được nơi cư trú về Sở Lao động Thương binh và Xã hội xem xét quyết định thời gian nuôi dưỡng phù hợp: 6 tháng, 1 năm hoặc nuôi dưỡng lâu dài.

2.3. Đối với Trung tâm vận chuyển cấp cứu 115 và các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế

a. Đối với người mắc bệnh tâm thần đi lang thang:

- UBND xã, phường, thị trấn thông báo cho Trung tâm vận chuyển cấp cứu 115 thuộc Sở Y tế (điện thoại 04.115).

- Trung tâm vận chuyển cấp cứu 115 có trách nhiệm tiếp nhận, đưa đối tượng đến Bệnh viện chuyên khoa tâm thần Hà Nội hoặc Bệnh viện tâm thần Ba Thá để khám, điều trị.

- Sau khi điều trị bệnh ổn định, đối tượng được phân loại như sau:

+ Đối tượng có địa chỉ tại Hà Nội: Bệnh viện thông báo cho gia đình phối hợp chăm sóc, quản lý và đón đối tượng về địa phương.

+ Đối tượng không xác định được địa chỉ nơi cư trú (có kết luận bằng văn bản của Bệnh viện tâm thần) và đối tượng đã được tập trung lần thứ 2 trở lên (có xác nhận của Trung tâm cấp cứu 115): Bệnh viện có văn bản gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề nghị tiếp nhận vào nuôi dưỡng tại Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng người tâm thần.

b. Đối với người lang thang ốm yếu, suy kiệt:

- UBND xã, phường, thị trấn thông báo kịp thời cho Trung tâm vận chuyển cấp cứu 115 đến tiếp nhận để chuyển bệnh viện khám, điều trị.

- Sau khi sức khỏe đối tượng ổn định giải quyết như sau:

+ Đối tượng xác định được địa chỉ cư trú: Bệnh viện mời gia đình đến tiếp nhận.

+ Đối tượng không xác định địa chỉ nơi cư trú: Bệnh viện có văn bản gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề nghị tiếp nhận vào Trung tâm Bảo trợ xã hội.

2.4. Trong trường hợp vì lý do bất khả kháng, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Vận chuyển cấp cứu 115 không bố trí được phương tiện đến tiếp nhận đối tượng: UBND các xã, phường, thị trấn được phép sử dụng kinh phí của địa phương để thuê phương tiện vận chuyển đối tượng bàn giao các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế Hà Nội và Trung tâm Bảo trợ xã hội.

3. Mức chi thực hiện công tác tập trung người lang thang.

- **Hỗ trợ UBND xã, phường, thị trấn** tổ chức kiểm tra, tập trung người lang thang về địa điểm lưu trú tạm thời, mức chi 365.000 đồng/đối tượng.

- **Hỗ trợ Trung tâm Bảo trợ xã hội:**

+ Tổ chức kiểm tra, tập trung người lang thang về Trung tâm Bảo trợ xã hội, mức chi 300.000 đồng/đối tượng (đối với trường hợp UBND xã, phường, thị trấn không trực tiếp kiểm tra, tập trung người lang thang).

+ Tiếp nhận, lập hồ sơ, bàn giao người lang thang, mức chi 310.000 đồng/đối tượng.

+ Chi phí xăng xe đưa người lang thang về Trung tâm Bảo trợ xã hội: (14 lít/lượt vận chuyển): Theo giá xăng thực tế.

- Hỗ trợ Sỡ Y tế:

+ Chi phí tiếp nhận, vận chuyển, lập bệnh án, liên lạc và điều trị người mắc bệnh tâm thần đi lang thang, người lang thang ốm yếu suy kiệt của các cơ sở y tế thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành, mức chi 2.900.000 đồng

(Chi tiết theo Phụ lục số 01).

4. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/7/2017.

V. Những vấn đề xin ý kiến

1. Về đối tượng

a. Đối tượng theo Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND

Người lang thang xin ăn và người tâm thần lang thang, người lang thang ốm yếu suy kiệt (gọi chung là đối tượng lang thang xã hội) trên địa bàn thành phố Hà Nội đưa vào các trung tâm bảo trợ xã hội hoặc bệnh viện tâm thần để nuôi dưỡng, khám điều trị và chuyển trả về gia đình, địa phương.

b. Đề nghị bổ sung 03 nhóm đối tượng

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định 68/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội: “*Các đối tượng xã hội khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định*”. Vì vậy Liên Sở đề nghị bổ sung 03 nhóm đối tượng so với Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố. Cụ thể như sau:

- Người dẫn theo trẻ em, người khuyết tật để bán hàng rong đeo bám, chèo kéo người đi đường (*Vi phạm quyền được giáo dục, học tập của trẻ em quy định tại Điều 16 Luật Trẻ em; hành vi bị nghiêm cấm “Lợi dụng người khuyết tật,... tình trạng của người khuyết tật để trục lợi” quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật người khuyết tật*).

- Người cao tuổi, trẻ em bị đi lạc gia đình. (*Đây là những đối tượng cần được bảo vệ khẩn cấp để đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe và hỗ trợ để trở về gia đình*).

- Người lang thang sinh sống nơi công cộng trong dịp Tết Nguyên đán hoặc thời tiết rét đậm, rét hại dưới 10°C. (*Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã báo cáo đề xuất và được Lãnh đạo UBND Thành phố đồng ý tại văn bản số 297/VP-VX ngày 16/01/2013 của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội*).

2. Mức kinh phí thực hiện công tác tập trung, tiếp nhận người lang thang

2.1. Mức kinh phí đề nghị giữ nguyên:

2.1.1. Đối với kinh phí thực hiện công tác tập trung người lang thang tại UBND xã, phường, thị trấn

2.1.2. Đối với kinh phí thực hiện công tác tiếp nhận, lập hồ sơ, bàn giao người lang thang của Trung tâm Bảo trợ xã hội

- Thuộc thông thường đối tượng: 10.000 đồng/đối tượng
- Lập biên bản, phiếu lưu, chụp ảnh: 20.000 đồng/đối tượng
- Tem thư, giấy báo: 10.000 đồng/đối tượng
- Điện thoại liên lạc: 20.000 đồng/đối tượng
- Vệ sinh xe chở người lang thang xin ăn: 10.000 đồng/đối tượng
- Chi phí xăng xe vận chuyển đối tượng về Trung tâm Bảo trợ xã hội: 14 lít/lượt đối tượng (theo giá xăng xe thực tế)

2.1.3. Đối với kinh phí thực hiện công tác tiếp nhận, lập hồ sơ, bàn giao người mắc bệnh tâm thần đi lang thang và người lang thang ốm yếu suy kiệt đến các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế:

- Chi phí vận chuyển: 200.000 đồng/lượt vận chuyển
- Chi phí lập bệnh án: 30.000 đồng/lượt điều trị
- Tiền thuốc: 550.000 đồng (1 đợt điều trị 10 ngày)
- Dịch truyền: 50.000 đồng (1 đợt điều trị 10 ngày)
- Vật tư tiêu hao: 150.000 đồng (1 đợt điều trị 10 ngày)
- Chi phí liên lạc: 20.000 đồng/đối tượng
- Chi khác:
 - + Trung cầu giám định pháp y thực hiện theo phiếu thu thực tế của cơ quan giám định pháp y.
 - + Mai táng phí đối với đối tượng bệnh nhân tâm thần lang thang, người lang thang xin ăn bị suy kiệt đang chữa trị tại các bệnh viện, chết tại bệnh viện mà không còn thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24h: áp dụng mức thu thấp nhất Ban phục vụ tang lễ Hà Nội tại thời điểm tử vong.

2.2. Mức kinh phí đề nghị tăng thêm:

2.2.1. Đối với kinh phí thực hiện công tác tập trung người lang thang xin ăn, người mắc bệnh tâm thần đi lang thang và người lang thang ốm yếu suy kiệt tại UBND xã, phường, thị trấn

- Mức hỗ trợ cán bộ thực hiện công tác tập trung đối tượng:
 - + Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND quy định là: 50.000 đồng/cán bộ.
 - + Đề nghị tăng lên mức: 100.000 đồng/cán bộ (tăng 50.000 đồng do mức lương cơ bản hiện tại tăng 2 lần so với năm 2009 từ 650.000 đồng lên mức dự kiến tháng 7/2017 là 1.300.000 đồng).
- Hỗ trợ suất ăn cho người lang thang trong thời gian lưu trú:
 - + Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND quy định là: 13.000 đồng/người.

+ Đề nghị tăng lên mức tối đa: 40.000 đồng/người/ngày (mức chi được quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Liên Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ).

2.2.2. Đối với kinh phí thực hiện công tác tập trung, tiếp nhận, lập hồ sơ, bàn giao người lang thang của Trung tâm Bảo trợ xã hội

- Mức hỗ trợ cán bộ thực hiện công tác tập trung đối tượng (*áp dụng đối với trường hợp do Trung tâm Bảo trợ xã hội trực tiếp kiểm tra, phát hiện, tập trung người lang thang*):

+ Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND quy định là: 50.000 đồng/cán bộ.

+ Đề nghị tăng lên mức: 100.000 đồng/cán bộ (*tăng 50.000 đồng do mức lương cơ bản hiện tại tăng 2 lần so với năm 2009 từ 650.000 đồng lên mức dự kiến tháng 7/2017 là 1.300.000 đồng*).

- Mức hỗ trợ cán bộ thực hiện công tác tiếp nhận, lập hồ sơ, bàn giao người lang thang:

+ Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND quy định là: 40.000 đồng/cán bộ.

+ Đề nghị tăng lên mức: 80.000 đồng/cán bộ (*tăng 40.000 đồng do mức lương cơ bản hiện tại tăng 2 lần so với năm 2009 từ 650.000 đồng lên mức dự kiến tháng 7/2017 là 1.300.000 đồng*).

2.2.3. Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ tại các cơ sở y tế

- Tiền ăn cho bệnh nhân: (*mỗi đợt điều trị tính trung bình là 10 ngày*)

+ Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND quy định là: 130.000 đồng/người/10 ngày (*tương ứng 13.000 đồng x 10 ngày = 130.000 đồng*).

+ Đề nghị tăng lên mức: 400.000 đồng/người/10 ngày (*áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-TC ngày 24/10/2014 của Liên Bộ: Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính; tương ứng 40.000 đồng x 10 ngày = 400.000 đồng*).

- Tiền giường cho bệnh nhân: (*mỗi đợt điều trị tính trung bình là 10 ngày*)

+ Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND quy định là: 150.000 đồng/người/10 ngày (*tương ứng 15.000 đồng x 10 ngày = 150.000 đồng*).

+ Đề nghị tăng lên mức: 1.500.000 đồng/người/10 ngày (*áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Liên Bộ: Y tế, Tài chính quy định giá dịch vụ người giường bệnh và Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 của UBND Thành phố về ban hành quy định điều chỉnh, bổ sung giá một số dịch vụ y tế đối với cơ sở khám chữa bệnh của nhà nước thuộc thành phố Hà Nội*) *Tương ứng 150.000 đồng x 10 ngày = 1.500.000 đồng*).

3. Dự kiến kinh phí và nguồn kinh phí:

3.1. Tổng kinh phí thực hiện dự kiến năm 2017: 1.112.675.000 đồng/năm, tăng 282.959.000 đồng/năm so với mức chi theo Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND và QĐ 41/2010/QĐ-UBND của UBND Thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục 02)

3.2. Nguồn kinh phí

- Ngân sách quận, huyện, thị xã; xã, phường, thị trấn đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ do xã, phường, thị trấn thực hiện.
- Ngân sách Thành phố đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế thực hiện.

Liên Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính kinh báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định./.

GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI CHÍNH

Hà Minh Hải

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Khuyết Văn Thành

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND TP Ngô Văn Quý;
- PCT UBND TP Nguyễn Doãn Toàn;
- Lưu: LĐTĐBXH, TC.

MỨC CHI CÔNG TÁC KIỂM TRA, TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT NGƯỜI LANG THANG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Mức hỗ trợ QĐ 90/2009	Mức hỗ trợ QĐ 41/2010	Mức đề nghị hỗ trợ	Chênh lệch	Giải trình
I	UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN:					
1	Hỗ trợ công tác tập trung người lang thang xin ăn, bao gồm:	188.000	188.000	365.000	177.000	
	Cán bộ thực hiện tập trung (3 cán bộ) + Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND quy định: 50.000 đồng/cán bộ. + Đề nghị tăng lên mức: 100.000 đồng/cán bộ	150.000	150.000	300.000	150.000	Tăng do mức lương cơ bản từ tháng 7 năm 2017 là 1.300.000đ tăng 100% so với mức năm 2009 là 650.000đ
	Lập hồ sơ, biên bản	5.000	5.000	5.000	-	
	Điện thoại liên lạc:	10.000	10.000	10.000	-	
	Hỗ trợ suất ăn cho đối tượng trong thời gian lưu trú + Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND quy định là: 13.000 đồng/người. + Đề nghị tăng lên mức tối đa: 40.000 đồng/người/ngày.	13.000	13.000	40.000	27.000	Tăng lên mức tối đa: 40.000 đồng/người/ngày (theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐT BXH-BTC ngày 24/10/2014 của Liên Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ).
	Vệ sinh địa điểm lưu giữ:	10.000	10.000	10.000	-	
2	Hỗ trợ tập trung người tâm thần lang thang và lang thang ốm yếu suy kiệt:	218.000	218.000	365.000	147.000	
	Cán bộ thực hiện tập trung (3 cán bộ) + Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND quy định: 60.000 đồng/cán bộ. + Đề nghị tăng lên mức: 100.000 đồng/cán bộ	180.000	180.000	300.000	120.000	Nội dung và mức chi áp dụng như đối tượng lang thang xin ăn
	Lập hồ sơ, biên bản	5.000	5.000	5.000	-	
	Điện thoại liên lạc:	10.000	10.000	10.000	-	

TT	Nội dung	Mức hỗ trợ QĐ 90/2009	Mức hỗ trợ QĐ 41/2010	Mức đề nghị hỗ trợ	Chênh lệch	Giải trình
	Hỗ trợ suất ăn cho đối tượng trong thời gian lưu trú + Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND quy định là: 13.000 đồng/người. + Đề nghị tăng lên mức tối đa: 40.000 đồng/người/ngày.	13.000	13.000	40.000	27.000	
	Vệ sinh địa điểm lưu giữ	10.000	10.000	10.000	-	
II	TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI:					
1	Hỗ trợ công tác tập trung người lang thang xin ăn, người tâm thần lang thang và lang thang ốm yếu suy kiệt	-	150.000	300.000	-150.000	
	Cán bộ thực hiện tập trung (3 cán bộ) + Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND quy định: 50.000 đồng/cán bộ. + Đề nghị tăng lên mức: 100.000 đồng/cán bộ	-	150.000	300.000	150.000	Tăng do mức lương cơ bản từ tháng 7 năm 2017 là 1.300.000đ tăng 100% so với mức năm 2009 là 650.000đ
2	Chi hỗ trợ công tác tiếp nhận, lập hồ sơ, bàn giao người lang thang:	190.000	190.000	310.000	120.000	
	Cán bộ thực hiện tập trung (3 cán bộ) + Quyết định số 90/2009/QĐ-UBND quy định: 40.000 đồng/cán bộ. + Đề nghị tăng lên mức: 80.000 đồng/cán bộ	120.000	120.000	240.000	120.000	Tăng do mức lương cơ bản từ tháng 7 năm 2017 là 1.300.000đ tăng 100% so với mức năm 2009 là 650.000đ
	Thuốc thông thường cho đối tượng	10.000	10.000	10.000		Giữ nguyên mức hỗ trợ theo Quyết định 41/2010/QĐ-UBND
	Lập biên bản, phiếu lưu, chụp ảnh	20.000	20.000	20.000		
	Tem thư, giấy báo	10.000	10.000	10.000		
	Điện thoại liên lạc	20.000	20.000	20.000		
	Vệ sinh xe chở người lang thang xin ăn	10.000	10.000	10.000		

TT	Nội dung	Mức hỗ trợ QĐ 90/2009	Mức hỗ trợ QĐ 41/2010	Mức đề nghị hỗ trợ	Chênh lệch	Giải trình
3	Chi phí vận chuyển	Vận chuyển: xăng xe chuyên chở người lang thang xin ăn: <i>cự ly vận chuyển khoảng: 70 km x 0,2 lít/km x 11.300đ/lít = 158.200 (làm tròn: 160.000 đ/lượt vận chuyển).</i> Mức 160.000	Vận chuyển: - Bảo trợ xã hội I: 70 km x 02,lít/km = 14 lít/lượt vận chuyển - Bảo trợ xã hội II: 100 km x 02,lít/km = 20 lít/lượt vận chuyển Mức: Theo giá xăng thực tế	Vận chuyển: Về Trung tâm Bảo trợ xã hội I, II, IV: 70 km x 02,lít/km = 14 lít/lượt vận chuyển Mức: Theo giá xăng thực tế	-	Theo định mức tiêu thu xăng đã được quy định tại Quyết định 41/2010/QĐ-UBND. Giá xăng được tính tại thời điểm thanh toán mua xăng thực tế
III	SỐ Y TẾ	1.280.000	1.280.000	2.900.000	1.620.000	
1	Chi phí vận chuyển bệnh nhân (lượt vận chuyển)	200.000	200.000	200.000	-	Khoảng cách quãng đường vận chuyển bệnh nhân đến bệnh viện tính bình quân từ 20km-30km. (Khung giá áp dụng theo Quyết định 30/2014/QĐ- UBND ngày 31/7/2014 của UBND Thành phố quy định điều chỉnh, bổ sung giá 1 số dịch vụ y tế đối với cơ sở khám chữa bệnh của nhà nước thuộc thành phố Hà Nội)
2	Chi lập bệnh án: (đối với lượt điều trị)	30.000	30.000	30.000	-	
3	Chi phí điều trị bệnh nhân: (mỗi đợt điều trị tính trung bình là 10 ngày)	1.030.000	1.030.000	2.650.000	1.620.000	
	Thuốc	550.000	550.000	550.000	-	
	Dịch truyền	50.000	50.000	50.000	-	
	Vật tư tiêu hao	150.000	150.000	150.000	-	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện theo QĐ 90/2009/QĐ-UBND và 41/2010/QĐ-UBND của UBND TP			Dự kiến chế độ mới			Chênh lệch tăng (giảm)		Giải trình
			Số lượng	Mức hỗ trợ	Kinh phí (đồng)	Số lượng	Mức dự kiến hỗ trợ	Kinh phí (đồng)	Số lượng	Kinh phí (đồng)	
3	Chi phí điều trị bệnh nhân:	đợt điều trị 10 ngày	30	1.030.000	30.900.000	30	2.650.000	79.500.000	-	48.600.000	
	Thuốc		30	550.000	16.500.000	30	550.000	16.500.000	-	-	
	Dịch truyền		30	50.000	1.500.000	30	50.000	1.500.000	-	-	
	Vật tư tiêu hao		30	150.000	4.500.000	30	150.000	4.500.000	-	-	
	Tiền ăn cho bệnh nhân		30	130.000	3.900.000	30	400.000	12.000.000	-	8.100.000	
	Tiền giường bệnh		30	150.000	4.500.000	30	1.500.000	45.000.000	-	40.500.000	
4	Chi phí liên lạc	Người	30	20.000	600.000	30	20.000	600.000	-	-	
	Tìm người thân: điện thoại liên hệ	Người	30	20.000	600.000	30	20.000	600.000	-	-	
5	Trung cầu giám định pháp y (đối với trường hợp bệnh nhân tử vong, không tìm được thân nhân trong vòng 24 giờ)	trường hợp	15	Theo phiếu thu thực tế của cơ quan giám định pháp y	255.000.000	15	Theo phiếu thu thực tế của cơ quan giám định pháp y	255.000.000	-	-	

Số: 2878 /TTr-STC

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Về việc quy định mức chi bảo đảm hoạt động giám sát,
phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Doãn Toàn - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại Công văn số 1402/VP-KT ngày 21/02/2017 của Văn phòng UBND Thành phố về việc thực hiện Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016;

Sau khi thống nhất Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Sở Tài chính kính báo cáo UBND thành phố về mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc thành phố Hà Nội thực hiện như sau:

I. Sự cần thiết phải ban hành quy định:

Hoạt động giám sát và phản biện xã hội là nhiệm vụ quan trọng trong công tác tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của MTTQ và các tổ chức đoàn thể, được quy định cụ thể trong Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.

Giám sát nhằm góp phần xây dựng và thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; kịp thời phát hiện những sai sót, khuyết điểm, yếu kém và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách cho phù hợp; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Phản biện xã hội nhằm phát hiện những nội dung còn thiếu, chưa sát, chưa đúng, chưa phù hợp trong các văn bản dự thảo của các cơ quan Đảng, Nhà nước; kiến nghị những nội dung thiết thực, góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả trong việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

Trong giai đoạn từ năm 2014 - 2016, theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội qui định: *“Kinh phí giám sát và phản biện xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm theo kế hoạch hàng năm do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp lập kế hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt”*.

Để phù hợp với yêu cầu đặt ra đối với hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, theo đó nhận thấy sự cấp thiết cần phải có văn bản hướng dẫn thực hiện và quy định cụ thể, ngày 28/12/2016 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 337/2016/TT-BTC quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 337/2016/TT-BTC quy định: *“UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp quyết định nội dung chi, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Điều 5 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình HĐND cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 5 Thông tư này”*.

Trên cơ sở các quy định của Bộ Tài chính và ý kiến đóng góp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các đơn vị có liên quan; Sở Tài chính kính báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành quy định mức chi bảo đảm hoạt động giám sát phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cấp thành phố Hà Nội.

II. Đề xuất mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội.

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.
- Quyết định số 217-QĐ/ TW ngày 12/12/2013 của Ban chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.
- Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

2.1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội.

2.2. Đối tượng áp dụng:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội.

2.3. Nguyên tắc xây dựng:

- Xây dựng mức chi trên cơ sở quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Các nội dung và mức chi theo phân cấp phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng cân đối Ngân sách.

3. Đề xuất cụ thể mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội.

- Các mức chi đề xuất đảm bảo thực hiện áp dụng hoặc vận dụng theo các nội dung chi có tính chất tương tự do Trung ương và thành phố quy định.

- Đối với các nội dung Thông tư số 337/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính chưa quy định cụ thể về mức chi của từng cấp (chỉ quy định 1 mức chi tối đa chung):

+ Đề nghị áp dụng mức chi tối đa theo quy định tại Điểm b Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 5 Thông tư số 337/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp Thành phố. Trường hợp mức chi tối đa thấp hơn mức chi quy định tại Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND Thành phố quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố Hà Nội đang thực hiện, đề xuất áp dụng mức chi bằng mức quy định tại Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐND nhưng không quá 20% theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính.

+ Mức chi đối với cấp huyện, cấp xã được giảm dần và đề xuất bằng mức chi cấp huyện, cấp xã quy định tại Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND Thành phố.

Trên cơ sở các nguyên tắc nêu trên, Sở Tài chính kính báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố về mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội thực hiện như sau:

3.1. Chi công tác phí cho các đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khảo sát: Thanh toán công tác phí, tiền thuê chỗ ở nơi công tác, phương tiện

phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính.

3.2. Chi tổ chức hội nghị:

a) Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

b) Đối với hội nghị đối thoại, tọa đàm, hội thảo, ngoài các khoản chi theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC được chi một số khoản sau:

- *Chủ trì cuộc họp*: Tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội¹:

+ Cấp thành phố: 150.000 đồng/người/cuộc họp

+ Cấp huyện: 100.000 đồng/người/cuộc họp

+ Cấp xã: 60.000 đồng/người/cuộc họp

- *Thành viên tham dự cuộc họp*: Tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội²:

+ Cấp thành phố: 100.000 đồng/người/cuộc họp

+ Cấp huyện: 80.000 đồng/người/cuộc họp

+ Cấp xã: 50.000 đồng/người/cuộc họp

- *Chi báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng*: Tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội³:

+ Cấp thành phố: 500.000 đồng/bài viết

+ Cấp huyện: 300.000 đồng/bài viết

+ Cấp xã: 150.000 đồng/bài viết

3.3. Chi thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập:

Trường hợp thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội có nội dung phức tạp, thuộc lĩnh vực chuyên môn sâu, cần lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh quyết định việc thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập nhưng phải có hợp đồng công việc, có sản phẩm chất lượng được Thủ trưởng đơn vị phê duyệt, số lượng chuyên gia do cơ quan chủ trì quyết định, nhưng tối đa không quá 05 chuyên gia cho nội dung cần thẩm định hoặc tư vấn

¹Tương đương mức chi đang áp dụng tại Khoản 1 Mục II Điều 4 Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội.

²Tương đương mức chi đang áp dụng tại Khoản 2 Mục II Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố Hà Nội kèm theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND thành phố.

³Tương đương mức chi tại Khoản 2 Mục II Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố Hà Nội kèm theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND thành phố.

trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội⁴: *Mức chi: 1.000.000 đồng/báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn.*

Báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn: Tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội:

- Cấp thành phố: 1.000.000 đồng/báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn.
- Cấp huyện: 800.000 đồng/báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn.
- Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn.

3.4. Chi bồi dưỡng thành viên tham gia đoàn giám sát, phản biện xã hội ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC:

- *Thành viên chính thức của đoàn giám sát:* Tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội⁵:

- + Cấp thành phố: 100.000 đồng/người/ngày
- + Cấp huyện: 80.000 đồng/người/ngày
- + Cấp xã: 50.000 đồng/người/ngày

- *Các thành viên khác:* Tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội⁶:

- + Cấp thành phố: 80.000 đồng/người/ngày
- + Cấp huyện: 50.000 đồng/người/ngày
- + Cấp xã: 40.000 đồng/người/ngày

3.5. Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội (báo cáo theo định kỳ, báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội theo chuyên đề được giao); văn bản kiến nghị: 2.000.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý): Tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp của thành phố Hà Nội⁷:

- Cấp Thành phố: 2.000.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản
- Cấp huyện: 800.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản
- Cấp xã: 400.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản

⁴Tương đương mức chi đang áp dụng tại Tiết 1.2 Mục I Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố Hà Nội kèm theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND thành phố.

⁵Tương đương mức chi đang áp dụng tại Tiết 2.2 Khoản 2 Mục III Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố Hà Nội kèm theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND thành phố.

⁶Tương đương mức chi đang áp dụng tại Tiết 2.2 Khoản 2 Mục III Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố Hà Nội kèm theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND thành phố.

⁷Tương đương mức chi đang áp dụng tại Tiết 2.1 Khoản 2 Mục III Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố Hà Nội kèm theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND thành phố.

3.6. Các khoản chi khác: Trong phạm vi kinh phí phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao, căn cứ tình hình thực tế triển khai công việc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định việc chi tiêu cho các nội dung công việc thực tế phát sinh trong phạm vi kinh phí phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao theo quy định.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

IV. Về nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện:

Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp đó thực hiện.

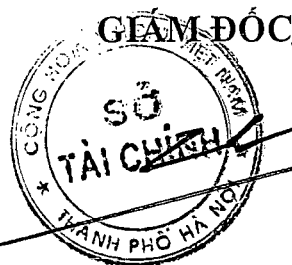
V. Kinh phí dự kiến thực hiện mức chi cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội:

Với các nội dung chi và mức chi nêu trên, dự kiến tổng kinh phí để thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội hàng năm là: 3.428 triệu đồng.

Sở Tài chính kính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đ/c PCT: Ngô Văn Quý; | (để
Nguyễn Doãn Toàn; | báo cáo);
- Lưu: VT, TCHCSN₍₂₉₇₈₎; (Hồng).



Hà Minh Hải

**QUY ĐỊNH MỨC CHI BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI
CỦA ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI
CÁC CẤP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STC ngày /5/2017 của Sở Tài chính Hà Nội)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi quy định tại Thông tư số 337/2016/ BTC ngày 10/2/2017 (Mức tối đa)	Đề xuất mức chi của Thành phố Hà Nội			Ghi chú
				Cấp Thành phố	Cấp huyện (quận, huyện, thị xã)	Cấp xã (phường, xã, thị trấn)	
1	Chi công tác phí cho các đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khảo sát:		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010			
2	Chi tổ chức hội nghị:						
a	Chi tổ chức hội nghị:		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010			
b	Đối với hội nghị đối thoại, tọa đàm, hội thảo						
	- Chủ trì cuộc họp:	người/ cuộc họp	150.000	150.000	100.000	60.000	Tương đương mức chi tại Khoản 1 Mục II điều 4 QĐ số 08/2011/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của UBND Thành phố
	- Thành viên tham dự cuộc họp:	người/ cuộc họp	100.000	100.000	80.000	50.000	Tương đương mức chi tại Khoản 2 Mục II quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố HN theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016
	- Chi báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng:	bài viết	500.000	500.000	300.000	150.000	Tương đương mức chi tại Khoản 2 Mục II quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố HN theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND Thành phố
3	Chi thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập: Trường hợp thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội có nội dung phức tạp, thuộc lĩnh vực chuyên môn sâu, cần lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh quyết định việc thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập nhưng phải có hợp đồng công việc, có sản phẩm chất lượng được Thủ trưởng đơn vị phê duyệt, số lượng chuyên gia do cơ quan chủ trì quyết định, nhưng tối đa không quá 05 chuyên gia cho nội dung cần thẩm định hoặc tư vấn trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội.	báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn	1.000.000	1.000.000	800.000	500.000	Tương đương mức chi tại Tiết 1.2 Mục I quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố HN theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND Thành phố

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi quy định tại Thông tư số 337/2016/ BTC ngày 10/2/2017 (Mức tối đa)	Đề xuất mức chi của Thành phố Hà Nội			Ghi chú
				Cấp Thành phố	Cấp huyện (quận, huyện, thị xã)	Cấp xã (phường, xã, thị trấn)	
4	Chi bồi dưỡng thành viên tham gia đoàn giám sát, phản biện xã hội						
	- Thành viên chính thức của đoàn giám sát:	người/ngày	100.000	100.000	80.000	50.000	Tương đương mức chi áp dụng tại Tiết 2.2 Khoản 2 Mục III Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố HN theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND Thành phố.
	- Các thành viên khác:	người/ngày	70.000	80.000	50.000	40.000	- Mức chi đối với cấp thành phố: trường hợp mức chi tối đa thấp hơn mức chi quy định tại Nghị quyết số 04/2016/NQ- HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND Thành phố đang thực hiện, đề xuất áp dụng mức chi bằng mức quy định tại Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐND nhưng không quá 20% theo quy định tại Điều 5 Thông tư 337/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính. - Mức chi đối với cấp huyện, cấp xã được giảm dần và đề xuất bằng mức chi cấp huyện, cấp xã quy định tại Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND Thành
5	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội (báo cáo theo định kỳ, báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội theo chuyên đề được giao); văn bản kiến nghị: - Báo cáo hoặc văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	báo cáo hoặc văn bản	2.000.000	2.000.000	800.000	400.000	Tương đương mức chi áp dụng tại Tiết 2,1 Khoản 2 Mục III Quy định một số chế độ, mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp thành phố HN theo Quyết định số 04/2016/NQ-HĐND ngày 01/8/2016 của HĐND Thành phố
6	Các khoản chi khác		Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định việc chi tiêu cho các nội dung công việc thực tế phát sinh trong phạm vi kinh phí phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao	Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định việc chi tiêu cho các nội dung công việc thực tế phát sinh trong phạm vi kinh phí phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao			

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2017

Số: 2855 /TT-LN:STC-TTTP

TỜ TRÌNH

Về quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra
đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Công văn số 705/UBND-TH ngày 22/02/2017 về việc rà soát, chuẩn bị các nội dung trình kỳ họp giữa năm 2017 của HĐND Thành phố và Công văn số 2198/VP-KT ngày 14/03/2017 về việc thực hiện Thông tư 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính; trong đó giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Thanh tra thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan khẩn trương rà soát, tham mưu, báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố tại kỳ họp gần nhất theo đúng quy định.

Sau khi nghiên cứu, liên ngành: Sở Tài chính - Thanh tra Thành phố kính báo cáo UBND Thành phố như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUY ĐỊNH

Công tác thanh tra có vai trò quan trọng trong quản lý nhà nước, giúp đảm bảo việc thực thi chính sách một cách thống nhất; đảm bảo sự tuân thủ chỉ đạo điều hành của cơ quan cấp trên với cơ quan cấp dưới trong việc tổ chức thực hiện pháp luật và quản lý hành chính nhà nước; hạn chế lạm dụng quyền lực, phòng ngừa vi phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước, giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước; góp phần ổn định an ninh chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Nhằm bổ sung chi phí hoạt động cho công tác thanh tra, Trung ương đã ban hành Thông tư số 90/2012/TTLT-BTC-TTCP ngày 30/5/2012 của Bộ Tài chính - Thanh tra Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước (Thông tư số 90/2012/TTLT-BTC-TTCP); Thành phố đã ban hành Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội. Qua đó mức trích bình quân hàng năm của Thanh tra Thành phố khoảng 5.500 triệu đồng, Thanh tra các sở khoảng 90 triệu đồng/1 đơn vị và Thanh tra quận, huyện, thị xã khoảng 23 triệu đồng/1 đơn vị¹.

¹ Đơn vị cao nhất là 972 triệu/năm và đơn vị thấp nhất là 3 triệu/năm (Theo số liệu báo cáo của các đơn vị)

Ngày 26/12/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 327/2016/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước (Thông tư 327/2016/TT-BTC) thay thế cho Thông tư 90/2012/TTLT-BTC-TTTP; trong đó, tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư 327/2016/TT-BTC quy định: *“Căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế triển khai nhiệm vụ của các cơ quan thanh tra nhà nước tại địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh quyết định mức trích (tỷ lệ phần trăm) cụ thể trên tổng số tiền thực nộp vào ngân sách nhà nước đảm bảo không quá mức được trích quy định tại Khoản 1 Điều này.”*

Như vậy, việc ban hành quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội thay thế Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 của UBND Thành phố là cần thiết. Liên ngành: Sở Tài chính – Thanh tra Thành phố kính báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG QUY ĐỊNH

1. Mục đích: Ban hành quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

2. Quan điểm xây dựng: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Thông tư số 327/2016/TT-BTC và phù hợp điều kiện thực tiễn của thành phố Hà Nội.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUY ĐỊNH

- **Bước 1:** Sở Tài chính có Công văn số 1576/STC-TCHCSN ngày 17/3/2017 đề nghị Sở, ngành và quận, huyện, thị xã báo cáo tình hình thực hiện Thông tư 90/2012/TTLT-BTC-TTTP ngày 30/5/2012 của Bộ Tài chính - Thanh tra Chính phủ và Quyết định 621/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 của UBND Thành phố, trong đó đề xuất mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội gửi Sở Tài chính.

- **Bước 2:** Trên cơ sở báo cáo và đề xuất của các đơn vị, Sở Tài chính tổng hợp, dự thảo Tờ trình liên ngành: Sở Tài chính – Thanh tra Thành phố báo cáo UBND Thành phố; Dự thảo Tờ trình UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố; Dự thảo Nghị quyết HĐND Thành phố về quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; tiến hành thảo luận, lấy ý kiến trong nội bộ Sở Tài chính.

- **Bước 3:** Tổ chức họp thống nhất nội dung Dự thảo Tờ trình UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố; Dự thảo Nghị quyết HĐND Thành phố về quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; đăng tải trên trang web của Sở Tài chính và có Công văn xin góp ý của các đơn vị về nội dung các Dự thảo trên (Công văn số 2382/STC-TCHCSN ngày 24/4/2017 của Sở Tài chính).

- **Bước 4:** Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Sở Tài chính chỉnh sửa, hoàn thiện Tờ trình Liên ngành: Sở Tài chính – Thanh tra Thành phố báo cáo UBND Thành phố; Dự thảo Tờ trình UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố; Dự thảo Nghị quyết HĐND Thành phố về quy mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; gửi Sở Tư pháp thẩm định.

- **Bước 5:** Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, liên ngành: Sở Tài chính - Thanh tra Thành phố hoàn thiện và báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUY ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Ngân sách Nhà nước 2015.
- Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước 2015.
- Thông tư 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

2.2. Đối tượng áp dụng:

Thanh tra Thành phố; Thanh tra sở, ngành; Thanh tra quận, huyện, thị xã.

3. Nguyên tắc xây dựng

- Xây dựng mức trích trên cơ sở quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư 327/2016/TT-BTC.

- Kế thừa nội dung quy định tại Quyết định 621/QĐ-UBND.

- Quy định mức trích phù hợp với yêu cầu thực tế.

4. Đề xuất cụ thể quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 90/2012/TTLT-BTC-TTCT ngày 30/5/2012 của Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra thực nộp vào ngân sách nhà nước; HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND ngày 7/12/2012; UBND Thành phố ban hành Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra thực nộp vào ngân sách nhà nước thành phố Hà Nội với mức trích tối đa quy định tại Thông tư số 90/2012/TTLT-BTC-TTCT.

Ngày 26/12/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 327/2016/TT-BTC thay thế Thông tư 90/2012/TTLT-BTC-TTCTP; mức trích quy định tại Thông tư 327/2016/TT-BTC không thay đổi so với mức trích quy định tại Thông tư 90/2012/TT-BTC-TTCTP nhưng đối với thanh tra các sở; thanh tra các quận, huyện, thị xã tổng số tiền thực nộp ngân sách là cơ sở tính mức trích thay đổi tăng:

- Từ “đến 1 tỷ đồng/năm” thành “đến 2 tỷ đồng/năm” đối với mức trích 30%;
- “Từ 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng/năm” thành “từ 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng/năm” đối với mức trích thêm 20%;
- “Từ trên 2 tỷ đồng/năm” thành “từ trên 3 tỷ đồng/năm” đối với mức trích thêm 10%.

Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, số tiền trích lại hàng năm của các đơn vị không lớn. Vì vậy, để bổ sung kinh phí cho hoạt động công tác thanh tra, đồng thời động viên cán bộ làm công tác thanh tra; Liên ngành: Sở Tài chính - Thanh tra Thành phố kính báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội theo mức trích tối đa quy định tại Thông tư 327/2016/TT-BTC.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

Các nội dung khác không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư 327/2016/TT-BTC và các quy định pháp luật hiện hành.

Liên ngành: Sở Tài chính - Thanh tra Thành phố kính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị./.

**THANH TRA THÀNH PHỐ
CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Văn Tuấn Dũng

**SỞ TÀI CHÍNH
GIÁM ĐỐC**



Hà Minh Hải

Nơi nhận:

- Như trên;
 - PCT UBND TP Nguyễn Doãn Toàn;
 - Lưu: STC(Tâm), TTTP.
- (6052)

QUY ĐỊNH MỨC TRÍCH TỪ CÁC KHOẢN THU HỒI PHÁT HIỆN QUA CÔNG TÁC THANH TRA ĐÃ THỰC NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Tờ trình số 2855/TTTrLN:STC-TTTP ngày 12/5/2017 của liên ngành: Sở Tài chính – Thanh tra Thành phố)

STT	Nội dung chi	Mức trích quy định tại Quyết định 621/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 của UBND Thành phố	Mức trích quy định tại Thông tư 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính	Đề xuất mức trích của Thành phố	Ghi chú
1	Thanh tra thành phố	- Được trích 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 10 tỷ đồng/ năm; - Được trích bổ sung thêm 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng/ năm. - Được trích bổ sung thêm 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 20 tỷ đồng/ năm	- Được trích tối đa 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 10 tỷ đồng/ năm; - Được trích thêm tối đa 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng/ năm; - Được trích thêm tối đa 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 20 tỷ đồng/ năm.	- Được trích 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 10 tỷ đồng/ năm; - Được trích bổ sung thêm 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng/ năm. - Được trích bổ sung thêm 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 20 tỷ đồng/ năm	Mức trích trên tổng số đã thực nộp ngân sách tối đa theo quy định tại Thông tư 327/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính và bằng mức trích quy định tại Quyết định 621/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 của UBND Thành phố
2	Thanh tra các Sở, Thanh tra các quận, huyện, thị xã	- Được trích 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 1 tỷ đồng/ năm. - Được trích bổ sung thêm 20% trên tổng số tiền đã	- Được trích tối đa 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 2 tỷ đồng/ năm; - Được trích thêm tối đa 20% trên tổng số tiền đã	- Được trích 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 2 tỷ đồng/ năm; - Được trích bổ sung thêm 20% trên tổng số tiền đã	Mức trích tối đa theo quy định tại Thông tư 327/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính và bằng mức trích quy định tại Quyết định 621/QĐ-UBND ngày



STT	Nội dung chi	Mức trích quy định tại Quyết định 621/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 của UBND Thành phố	Mức trích quy định tại Thông tư 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính	Đề xuất mức trích của Thành phố	Ghi chú
		thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng/ năm; - Được trích bổ sung thêm 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 2 tỷ đồng/ năm	thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng/ năm; - Được trích thêm tối đa 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 3 tỷ đồng/ năm.	thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng/ năm; - Được trích bổ sung thêm 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 3 tỷ đồng/ năm.	25/01/2013 của UBND Thành phố. - Tổng số tiền đã thực nộp ngân sách nhà nước: + Tăng từ “đến 1 tỷ đồng” thành “đến 2 tỷ đồng/năm” đối với mức trích 30% + Tăng “từ 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng/năm” thành “từ 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng/ năm” đối với mức trích thêm 20% + Tăng “từ trên 2 tỷ đồng/năm” thành “từ trên 3 tỷ đồng/năm” đối với mức trích thêm 10%

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2017

Số: 2931 /TT-LN:STC-TTTP-
VPUBNDTP

TỜ TRÌNH

Về quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân,
xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của thành phố Hà Nội

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại công văn số 705/UBND-TH ngày 22/02/2017 về việc rà soát, chuẩn bị các nội dung trình kỳ họp giữa năm 2017 của HĐND Thành phố và công văn số 1406/VP-KT ngày 21/02/2017 về việc thực hiện Thông tư 320/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính; trong đó giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND Thành phố triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Sau khi nghiên cứu, liên ngành: Sở Tài chính - Thanh tra Thành phố - Văn phòng UBND Thành phố kính báo cáo UBND Thành phố như sau:

I/ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUY ĐỊNH:

Trong hoạt động quản lý nhà nước nói chung và hoạt động quản lý hành chính nói riêng, để đảm bảo thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, quyền con người, quyền công dân thì hoạt động tiếp công dân là hoạt động thường xuyên, có ý nghĩa và vai trò quan trọng. Thông qua tiếp công dân, việc giải quyết hoạt động khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến quyết định hành chính được tiến hành nhanh chóng, rõ ràng hơn khi có sự tiếp xúc trực tiếp, tìm hiểu thông tin hai chiều giữa người dân và cán bộ tiếp dân, từ đó, sẽ hạn chế việc khiếu nại, tố cáo vượt cấp, phức tạp, kéo dài; kịp thời phát hiện các sai phạm để xử lý theo quy định của pháp luật cũng như nhiều bất cập khác trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Nhận rõ tầm quan trọng của công tác tiếp dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, trong những năm qua thành phố Hà Nội đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác này từ Thành phố đến các Sở, ngành; quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn.

Trong giai đoạn 2013-2016 Thành phố đã tiếp khoảng 135.903 lượt công dân, xử lý khoảng 104.445 đơn và kết luận 9.299 khiếu nại tố cáo. Trong đó, các đơn vị thực hiện tiếp nhiều lượt công dân và xử lý nhiều đơn khiếu nại, tố cáo như: Ban Tiếp công dân – Văn phòng UBND Thành phố, Thanh tra Thành phố, Sở Tư pháp, các huyện Thanh Trì, Sóc Sơn..., đã đóng góp không nhỏ vào sự

phát triển của Thủ đô. Trên địa bàn Thành phố, các vụ khiếu nại, tố cáo chủ yếu liên quan đến lĩnh vực giải phóng mặt bằng, công tác dồn điền đổi thửa trong xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi mô hình một số chợ, chế độ chính sách liên quan trực tiếp đến người dân...

Để thực hiện tốt nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh thì đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp dân đóng vai trò rất quan trọng. Đây là công việc mang tính chất đặc thù, đòi hỏi cán bộ được giao nhiệm vụ phải có hiểu biết về các lĩnh vực khác nhau, nắm chắc kiến thức pháp luật bên cạnh đó còn phải có kỹ năng xử lý tình huống, thái độ giao tiếp đúng mực khi tiếp xúc với công dân. Trong quá trình tiếp dân, các cán bộ ngày càng phải chịu nhiều áp lực do tính chất khiếu kiện ngày càng phức tạp, đôi khi phải đối mặt với những tình huống nguy hiểm khi công dân có thái độ không đúng mực. Vì vậy, việc ban hành chế độ bồi dưỡng đối với người làm công tác tiếp dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh là cần thiết.

Trong giai đoạn từ năm 2013-2016, các nội dung và mức chi chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Thành phố Hà Nội đang được thực hiện theo Thông tư 46/2012/TTLT-BTC-TTCP và Quyết định 634/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Thành phố.

Hiện nay, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 về quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (Thông tư 320/2016/TT-BTC) thay thế Thông tư 46/2012/TTLT-BTC-TTCP. Trong đó, tại Điều 7 Thông tư 320/2016/TT-BTC quy định: *Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Điều 4 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư này.*

Vì vậy, việc ban hành quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm công tác tiếp dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định tại Thông tư 320/2016/TT-BTC để thay thế Quyết định 634/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Thành phố là cần thiết và làm cơ sở để triển khai thực hiện trên địa bàn Thành phố.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG QUY ĐỊNH:

1. Mục đích: Ban hành chế độ bồi dưỡng người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh để áp dụng cho hoạt động tiếp dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Quan điểm xây dựng: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Thông tư số 320/2016/TT-BTC và phù hợp điều kiện thực tiễn của thành phố Hà Nội.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUY ĐỊNH:

- **Bước 1:** Sở Tài chính có Công văn số 1575/STC-TCHCSN ngày 17/3/2017 đề nghị Sở, ban ngành và UBND quận, huyện, thị xã báo cáo tình hình thực hiện Thông tư 46/2012/TTLT-BTC-TTCT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính - Thanh tra Chính phủ và Quyết định 634/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND Thành phố, trong đó đề xuất mức chi chế độ bồi dưỡng người làm nhiệm vụ tiếp dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh gửi Sở Tài chính.

- **Bước 2:** Trên cơ sở báo cáo và đề xuất của các đơn vị, Sở Tài chính tổng hợp, xây dựng Dự thảo Tờ trình liên ngành: Sở Tài chính – Thanh tra Thành phố - Văn phòng UBND Thành phố báo cáo UBND Thành phố; Dự thảo Tờ trình UBND Thành phố trình HĐND Thành phố; Dự thảo Nghị quyết HĐND Thành phố về quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của thành phố Hà Nội; tiến hành thảo luận, lấy ý kiến trong nội bộ Sở Tài chính.

- **Bước 3:** Tổ chức họp thống nhất nội dung Dự thảo Tờ trình UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố; Dự thảo Nghị quyết HĐND Thành phố về quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; đăng tải trên trang web của Sở Tài chính và có Công văn xin ý kiến của các đơn vị có liên quan về nội dung các Dự thảo nêu trên (Công văn số 2382/STC-TCHCSN ngày 24/4/2017 của Sở Tài chính).

- **Bước 4:** Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Sở Tài chính chỉnh sửa, hoàn thiện Tờ trình liên ngành: Sở Tài chính - Thanh tra Thành phố - Văn phòng UBND Thành phố báo cáo UBND Thành phố, Dự thảo Tờ trình UBND Thành phố trình HĐND Thành phố; Dự thảo Nghị quyết HĐND Thành phố về quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của thành phố Hà Nội; gửi Sở Tư pháp thẩm định.

- **Bước 5:** Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, liên ngành: Sở Tài chính - Thanh tra Thành phố - Văn phòng UBND Thành phố hoàn thiện và báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố theo quy định.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUY ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.
- Luật tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011.
- Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013.
- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015.

- Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật khiếu nại 2011.

- Nghị định 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật tố cáo 2011.

- Nghị định 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân.

- Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách Nhà nước 2015.

- Thông tư 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại các Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân được quy định tại Điều 20 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân.

2.2. Đối tượng áp dụng

- Cán bộ, công chức tại các trụ sở tiếp công dân và địa điểm tiếp công dân được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.

- Cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

3. Nguyên tắc xây dựng

- Xây dựng mức chi trên cơ sở quy định của Trung ương tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC.

- Kế thừa nội dung và mức chi quy định tại Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND Thành phố.

- Các nội dung và mức chi theo phân cấp phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng cân đối ngân sách.

4. Mức chi cụ thể chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Thông tư số 46/2012/TTLT-BTC-TTCT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính - Thanh tra Chính phủ quy định thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng đảm bảo tối thiểu 50.000 đồng/ngày/người, tối đa không vượt quá 150.000 đồng/ngày/người. Ngày 7/12/2012, HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND và ngày 28/01/2013 UBND Thành phố ban hành Quyết định số 634/QĐ-UBND quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thành phố Hà Nội với mức chi tối thiểu là 50.000 đồng/ngày/người, tối đa 120.000 đồng/ngày/người.

Ngày 14/12/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 320/2016/TT-BTC thay thế Thông tư số 46/2012/TTLT-BTC-TTCT, về mức chi tối đa bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh bằng mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 46/2012/TTLT-BTC-TTCT và quy định thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 4 của Thông tư.

Trên cơ sở đánh giá thực tế của thành phố Hà Nội; để khích lệ động viên đối với người làm công tác tiếp dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Thành phố, Liên ngành báo cáo UBND Thành phố áp dụng mức chi cao hơn 20% mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC đối với cấp Thành phố. Do số lượng vụ việc cũng như tính chất phức tạp của vụ việc giữa các cấp (cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã), mức chi bồi dưỡng sẽ giảm dần theo phân cấp. Đối với mức chi cấp Thành phố của đối tượng đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra, theo quy định tại Quyết định số 634/QĐ-UBND là 100.000đ/người/ngày. Tuy nhiên, khi áp dụng mức chi cao hơn 20% mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC là 96.000đ/người/ngày. Để kế thừa mức chi quy định tại Quyết định 634/QĐ-UBND, Liên ngành đề xuất làm tròn mức chi tại nội dung này là 100.000đ người/ngày.

Riêng mức chi đối với cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp, nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, đảm bảo y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, Liên ngành trình UBND Thành phố áp dụng mức chi cao hơn 20% mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC đối với cấp Thành phố và mức tối đa theo quy định Thông tư số 320/2016/TT-BTC đối các cấp huyện và cấp xã.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Các nội dung khác không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC và các quy định hiện hành.

5. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện và dự kiến kinh phí thực hiện mức chi chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

5.1. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện

Kinh phí đảm bảo chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo thực hiện theo quy định, nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn kinh phí khác (nếu có).

5.2. Kinh phí dự kiến thực hiện mức chi chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Với các nội dung chi và mức chi nêu trên, dự kiến tổng kinh phí để thực hiện bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hàng năm khoảng 8.127 triệu đồng.

Liên ngành: Sở Tài chính - Thanh tra Thành phố - Văn phòng UBND Thành phố kính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị./.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ
CHÁNH VĂN PHÒNG



Phạm Quý Tiên

THANH TRA THÀNH PHỐ
CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Văn Tuấn Dũng

SỞ TÀI CHÍNH
GIÁM ĐỐC



Hà Minh Hải

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND TP Nguyễn Doãn Toàn;
- Lưu: STC, TTTP, VP UBND TP.

4143,4037

**QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LÀM NHIỆM VỤ TIẾP CÔNG DÂN,
XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Tờ trình liên ngành số 2934 /TTrLN:STC-TTTP-VPUBNDTP ngày 16/5 /2017)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi quy định tại QĐ số 634/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 (đồng)	Mức chi quy định tại Thông tư 320/2016/TT- BTC ngày 14/12/2016 (đồng)	Đề xuất mức chi của Thành phố (đồng)	Ghi chú
1	Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.					
a	Đối tượng chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra:			100.000		
	- Cấp Thành phố	Ngày/người	120.000		120.000	
	- Cấp huyện	Ngày/người	100.000		100.000	
	- Cấp xã	Ngày/người	60.000		60.000	
b	Đối tượng đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra:	Ngày/người		80.000		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi quy định tại QĐ số 634/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 (đồng)	Mức chi quy định tại Thông tư 320/2016/TT- BTC ngày 14/12/2016 (đồng)	Đề xuất mức chi của Thành phố (đồng)	Ghi chú
	- Cấp Thành phố	Ngày/người	100.000		100.000	Theo quy định, mức chi cao hơn 20% mức chi tối đa tại Thông tư 320/2016/TT-BTC là 96.000 đồng, làm tròn thành 100.000 đồng.
	- Cấp huyện	Ngày/người	80.000		80.000	
2	Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.					
a	Đối tượng chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra:	Ngày/người		100.000		
	- Cấp Thành phố	Ngày/người	120.000		120.000	
	- Cấp huyện	Ngày/người	100.000		100.000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi quy định tại QĐ số 634/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 (đồng)	Mức chi quy định tại Thông tư 320/2016/TT- BTC ngày 14/12/2016 (đồng)	Đề xuất mức chi của Thành phố (đồng)	Ghi chú
	- Cấp xã	Ngày/người	60.000		60.000	
b	Đối tượng đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra:	Ngày/người		80.000		
	- Cấp Thành phố	Ngày/người	100.000		100.000	Theo quy định, mức chi cao hơn 20% mức chi tối đa tại Thông tư 320/2016/TT-BTC là 96.000 đồng, làm tròn thành 100.000 đồng.
	- Cấp huyện	Ngày/người	80.000		80.000	
3	Cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, đảm bảo y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.	Ngày/người	50.000	50.000		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi quy định tại QĐ số 634/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 (đồng)	Mức chi quy định tại Thông tư 320/2016/TT- BTC ngày 14/12/2016 (đồng)	Đề xuất mức chi của Thành phố (đồng)	Ghi chú
	- Cấp Thành phố				60.000	
	- Cấp huyện, cấp xã				50.000	
4	Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Ngày/người		50.000		
	- Cấp Thành phố	Ngày/người			60.000	
	- Cấp huyện, cấp xã	Ngày/người			50.000	

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
LIÊN SỐ: LAO ĐỘNG THƯƠNG
BINH XÃ HỘI - TÀI CHÍNH - Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 1106/TT-LS:LĐTBXH-TC-YT

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2017

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết HĐND Thành phố ban hành quy định mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng

Kính gửi: UBND thành phố Hà Nội

Thực hiện Chương trình công tác số 22/CTr-UBND ngày 02/02/2016 của UBND thành phố Hà Nội và chỉ đạo của UBND Thành phố tại Thông báo số 236/TB-UBND ngày 03/4/2017 về kết luận của tập thể UBND Thành phố về dự thảo Quyết định quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng. Liên Sở: Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính - Y tế kính trình UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 08/10/2014, Liên Bộ: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng, thay thế Thông tư liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 24/02/2012 hiện nay đang được UBND thành phố Hà Nội triển khai tại Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013 về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

Ngày 09/9/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 136/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trong đó đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến chế độ của đối tượng cai nghiện bắt buộc.

Trên cơ sở ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 2122/STP-VBPQ ngày 03/11/2016 và Công văn số 400/STP-VBPQ ngày 13/3/2017, Liên Sở: Lao

động Thương binh và Xã hội - Sở Tài chính xây dựng Tờ trình số 746/TTr-LS:LĐTBXH-TC ngày 27/3/2017 trình UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện một số nội dung và mức chi kinh phí trong công tác cai nghiện ma túy. Trong đó, một số nội dung về cai nghiện bắt buộc, tự nguyện và cai nghiện tại gia đình, cộng đồng tại Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH chưa quy định cụ thể. Liên Sở: Lao động Thương binh Xã hội - Tài chính - Y tế xây dựng Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết HĐND Thành phố ban hành quy định mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

II. Mục đích và quan điểm xây dựng văn bản

1. Mục đích

Ban hành cơ chế chính sách đối với công tác cai nghiện bắt buộc, cai nghiện tự nguyện và cai nghiện tại gia đình, cộng đồng nhằm thực hiện đúng quy định của Trung ương và Thành phố trong việc thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; giúp học viên yên tâm điều trị, cai nghiện; giảm tác hại và tình trạng sử dụng ma túy gây mất an ninh xã hội trên địa bàn Thành phố.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

2.1. Thẩm quyền ban hành

- Điểm h, Khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định HĐND Thành phố có thẩm quyền “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

- Điểm c, Khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015 quy định HĐND có thẩm quyền “Quyết định các nội dung liên quan đến phí, lệ phí theo quy định của pháp luật; các khoản đóng góp của Nhân dân”.

Do đó, một số nội dung tại Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH không quy định mức chi cụ thể mà giao cho địa phương căn cứ tình hình thực tiễn để ban hành thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND Thành phố.

2.2. Nguyên tắc xây dựng

Đối với các nội dung chi đã được quy định tại Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH nhưng chưa quy định mức chi cụ thể, Liên Sở: Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính - Y tế kính báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành mức chi cụ thể để thống nhất triển khai trên toàn Thành phố trên nguyên tắc: Giữ nguyên các mức theo quy định tại Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013; Riêng đối với nội dung khám sức khỏe định kỳ học viên cai nghiện bắt buộc Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013 không quy định, vận dụng mức chi tại Thông tư liên tịch số

37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Liên Bộ: Y tế - Tài chính quy định thống nhất giá khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc.

IV. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện và cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

- Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện và người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

V. Nội dung và mức chi

1. Đối với cai nghiện bắt buộc:

1.1. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe:

** Quy định của Trung ương:*

Theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 5, Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLDTBXH ngày 08/10/2014: Tiền thuốc cắt cơn (trừ trường hợp đã được điều trị cắt cơn tại tổ chức xã hội), giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội; thuốc chữa bệnh thông thường; khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần. Việc điều trị cắt cơn nghiện ma túy, khám sức khỏe định kỳ thực hiện theo quy định của Bộ Y tế. Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

** Chế độ đang thực hiện:*

- Thuốc cắt cơn: Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013 của UBND thành phố Hà Nội quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ: Thuốc hỗ trợ cắt cơn, cấp cứu, chi phí xét nghiệm và thuốc điều trị các bệnh cơ hội khác là 650.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

- Chi phí khám sức khỏe định kỳ: Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND không quy định mức chi khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần.

**Liên Sở đề xuất:*

1.1.1. Tiền thuốc cắt cơn:

- Đối với mức chi tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội; thuốc chữa bệnh thông thường: Qua khảo sát,

cho thấy mức chi theo Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND vẫn còn phù hợp với thực tế do đó, đề nghị Thành phố cho phép tiếp tục áp dụng mức chi tại Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND, cụ thể là 650.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

1.1.2. Khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần:

- Nội dung khám sức khỏe định kỳ bao gồm: Khám lâm sàng (nội khoa, ngoại khoa, sản phụ khoa, mắt, tai-mũi-họng) và khám cận lâm sàng (Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ) (quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe).

- Về giá khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của liên Bộ: Y tế - Tài chính quy định thống nhất giá khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc) và thực tế quá trình điều trị, bao gồm:

Giá dịch vụ khám bệnh tại bệnh viện hạng II: 35.000 đồng;

Siêu âm: 49.000 đồng;

Chụp X - quang phim 24x30cm (1 tư thế): 47.000 đồng;

Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng máy đếm tự động: 39.200 đồng;

Tổng phân tích nước tiểu: 37.100 đồng.

Liên Sở đề xuất tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần: mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp, tối đa (làm tròn) là 210.000 đồng/người/lần.

1.2. Tiền học nghề học viên cai nghiện bắt buộc:

*** Quy định của Trung ương:**

Tại khoản 7, Điều 5, Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 quy định: Mức hỗ trợ cụ thể tùy theo từng đối tượng, từng nghề, thời gian học nghề thực tế và hình thức học nghề nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Tại điểm 1 Mục III Quyết định số 1956/QĐ-TTg quy định mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng) tối đa 3 triệu đồng/người khóa học.

Tại khoản 5, Điều 4, Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng quy định: Người học là phụ nữ, lao động nông thôn không thuộc các đối tượng quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này: Mức tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học.

Tại khoản 3, Điều 12, Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg quy định: Quyết định này thay thế các quy định khác về hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trái với Quyết định này.

*** Chế độ hiện hành:**

Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013 quy định mức hỗ trợ kinh phí học nghề trình độ sơ cấp tối đa 2.000.000 đồng/người/khóa học; hình thức hỗ

trợ thực hiện theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 7 Thông tư Liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH.

** Liên Sở đề xuất:*

Liên Sở đề xuất UBND Thành phố quy định tiền học nghề cho đối tượng cai nghiện bắt buộc theo đúng quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Mức 2.000.000 đồng/người/khóa học. (không hỗ trợ tiền học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ 2 trở đi đã được học nghề). Hình thức học nghề thực hiện theo điểm b khoản 7 Điều 5 Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH.

2. Các khoản đóng góp đối với người cai nghiện tự nguyện không có hộ khẩu thường trú, tạm trú dài hạn tại Hà Nội:

** Quy định của Trung ương:*

Tại Điều 8, Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH quy định:

1. Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở Trung tâm (trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), gồm các khoản chi phí sau:

- a) Tiền ăn;
- b) Thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác;
- c) Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác;
- d) Sinh hoạt văn nghệ, thể thao;
- đ) Học văn hoá, học nghề (nếu bản thân đối tượng có nhu cầu);
- e) Điện, nước, vệ sinh;
- g) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất;
- h) Phục vụ, quản lý.

Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/12/2014 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới quy định: đối với công tác cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện cần đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi đối với việc cai nghiện tự nguyện.

Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 18/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 quy định cơ chế tiếp nhận đối với cơ sở cai nghiện tự nguyện: không phân biệt nơi cư trú của người nghiện ma túy.

** Chế độ hiện hành:*

Mức đóng góp của người cai nghiện tự nguyện của các cơ sở cai nghiện trên Thành phố đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013 (bao gồm đầy đủ các nội dung chi quy định trên).

Ngày 08/12/2016, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ và đóng góp đối với người tự nguyện cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện trên địa bàn có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn tại Hà Nội.

** Liên Sở đề xuất:*

Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Sau 3 tháng triển khai thực hiện, các cơ sở cai nghiện ma túy của Thành phố đã tiếp nhận 567 người được tự nguyện cai nghiện ma túy (đạt 28,4% kế hoạch năm 2017), trong đó có 495 người được hỗ trợ kinh phí và 72 người không hỗ trợ kinh phí.

Trong 72 người tự nguyện cai nghiện, chữa trị không hỗ trợ kinh phí (chiếm 12,7%) có 18 người là người ngoại tỉnh không được hỗ trợ từ chính sách, còn 54 người có đủ điều kiện để được hỗ trợ nhưng họ và gia đình có nhu cầu tự chi trả các khoản đóng góp trong quá trình điều trị cai nghiện ma túy tự nguyện.

Như vậy, ngoài đối tượng được Thành phố hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND còn các đối tượng: người cai nghiện tự nguyện không có hộ khẩu thường trú, tạm trú dài hạn tại Hà Nội hoặc người cai nghiện tự nguyện có nhu cầu đóng kinh phí.

Dự đó, nhằm khuyến khích người nghiện tự nguyện đi cai nghiện, giảm tình trạng sử dụng ma túy trái phép, góp phần đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn Thủ đô. Liên Sở đề xuất: Người cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện trên địa bàn thành phố không thuộc đối tượng được thành phố hỗ trợ kinh phí cai nghiện tự nguyện (người không có hộ khẩu thường trú, tạm trú dài hạn tại Hà Nội) phải đóng góp chi phí trong thời gian 06 tháng cai nghiện, áp dụng mức theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố, cụ thể như sau:

- Tiền ăn: 0,8 lần mức lương cơ sở/người/tháng;
- Vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện là nữ): 0,45 lần mức lương cơ sở/người/6 tháng;
- Tiền thuốc cắt cơn, thuốc thông thường, xét nghiệm phát hiện chất ma túy: 650.000 đồng/người/6 tháng;
- Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng;
- Tiền hoạt động, văn hóa, thể thao: 10.000 đồng/người/tháng.

Riêng về nội dung học nghề đối với đối tượng cai nghiện tự nguyện, Liên Sở thống nhất không đề xuất do thời gian cai nghiện, chữa trị ngắn (6 tháng) chưa đủ để đối tượng đảm bảo sức khỏe cho học nghề.

3. Cai nghiện tại gia đình, cộng đồng:

3.1. Chi hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình, cộng đồng:

**** Quy định của Trung ương:***

Tại điểm d khoản 3 Điều 10, Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH quy định: Chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng, mức hỗ trợ cụ thể và số lượng cán bộ do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với điều kiện thực tế về số lượng đối tượng nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng và điều kiện địa lý của từng xã, phường, thị trấn nhưng mức tối đa là 350.000 đồng/người/tháng.

**** Chế độ đang thực hiện:***

- Mức hỗ trợ: Theo quy định tại Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND, chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng: tối đa 350.000 đồng/người/tháng.

- Số lượng cán bộ: Theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 3 Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng, số lượng thành viên Tổ công tác cai nghiện ma túy: Đối với xã có dưới 20 người cai nghiện, Tổ công tác gồm 07 người; đối với xã có từ 20 người cai nghiện trở lên cứ thêm 03 người cai nghiện thì thêm 01 người tham gia Tổ công tác.

** Liên Sở đề xuất:*

- Mức hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng giữ nguyên theo Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND, mức tối đa 350.000 đồng/người/tháng.

- Quy trình, thủ tục thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA và Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH.

3.2. Các khoản đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng

** Quy định của Trung ương:*

Tại Điều 11, Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH quy định: Người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng hoặc gia đình của người nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện gồm:

- Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt con;
- Tiền thuốc hỗ trợ cắt con nghiện;
- Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt con;
- Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có).

** Chế độ đang thực hiện:*

Theo quy định tại Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND, các khoản đóng góp bao gồm:

- Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt con: 200.000 đồng/người.
- Tiền thuốc hỗ trợ cắt con nghiện: Nếu cai cắt con bằng thuốc Cedemex: 600.000 đồng/người. Nếu cai cắt con bằng thuốc Bông Sen: 2.700.000 đồng/người/1 đợt điều trị.
- Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt con: 40.000 đồng/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.
- Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có): Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGD&ĐT-BYT ngày 18/01/2006 của Bộ Lao

động-Thương binh và Xã hội-Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.

** Liên Sở đề xuất:*

Các khoản đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng theo Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND vẫn phù hợp với thực tế hiện nay, do vậy Liên Sở đề nghị mức đóng góp đối với người cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng tiếp tục thực hiện bằng mức kinh phí quy định tại Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND.

3.3. Chế độ miễn, giảm đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng:

** Quy định của Trung ương:*

Tại Điều 12, Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH quy định: Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng được xét miễn hoặc giảm một phần chi phí trong thời gian cai nghiện tập trung tại cộng đồng theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Căn cứ khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể chế độ miễn hoặc giảm đối với từng đối tượng.

** Chế độ hiện hành:*

Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013 quy định chế độ miễn, giảm đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng như sau:

- Chế độ miễn:

Đối với người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người bị nhiễm HIV/AIDS; người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật; ngoài tiền thuốc, tiền ăn được hỗ trợ trong thời gian cai nghiện tập trung còn được miễn một số khoản chi phí như sau:

+ Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 200.000 đồng/người.

+ Tiền thuốc cai nghiện ma túy (phân chênh lệch giữa trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ): 200.000 đồng/người.

+ Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có): Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGD&ĐT-BYT ngày 18/01/2006 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.

- Chế độ giảm:

Đối với người thuộc hộ cận nghèo được giảm 50% các khoản đóng góp cho nội dung chi phí, cụ thể như sau:

+ Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 100.000 đồng/người.

+ Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 100.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

+ Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có): đóng góp 50% chi phí.

+ Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 20.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

* *Liên Sở đề xuất:*

Chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng theo Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND vẫn phù hợp với thực tế hiện nay, do vậy Liên Sở đề nghị chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng tiếp tục thực hiện bằng mức kinh phí quy định tại Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

4. Kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện

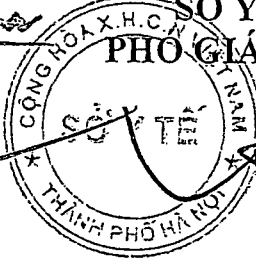
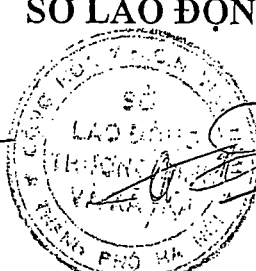
Tổng kinh phí dự kiến khi thực hiện theo mức chi mới là 2.178.500.000 đồng tăng so với mức chi cũ là 210.000.000 đồng (Phụ lục 02 đính kèm).

Nguồn kinh phí: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 3, Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08/10/2014. Trong đó:

- Ngân sách xã, phường, thị trấn: 643.500.000 đồng (không tăng kinh phí so với mức chi cũ) (Phụ lục 2.1 đính kèm).

- Ngân sách Thành phố: 1.535.000.000 đồng (tăng so với mức chi cũ là 210.000.000 đồng) (Phụ lục 2.2 đính kèm).

Liên Sở: Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính - Y tế kính đề nghị UBND Thành phố xem xét trình HĐND Thành phố quyết định ban hành./.

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH  Hà Minh Hải	KT. GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ PHÓ GIÁM ĐỐC  Hoàng Đức Hạnh	GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG TBXH  Khuất Văn Thành
--	--	--

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND TP Ngô Văn Quý;
- PCT UBND TP Nguyễn Doãn Toàn;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: SLĐT BXH, STC, SYT.

NỘI DUNG, MỨC CHI, MỨC THU, CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ LIÊN SỞ ĐỀ XUẤT - THẨM QUYỀN HĐND TP

(Kèm theo Tờ trình Liên sở số: 1106 /TTr-LS-LĐTĐHXH-TC-YT ngày 16 tháng 4 năm 2017 của Sở Lao động Thương binh và xã hội, Tài chính, Y tế)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	Chế độ đang thực hiện theo QĐ số 14/QĐ-UBND ngày 09/5/2013	THEO TT số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH	Liên Sở đề xuất	Ghi chú
I	Các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc				
1	Tiền thuốc cắt con (trừ trường hợp đã được điều trị cắt con tại tổ chức xã hội), giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội; thuốc chữa bệnh thông thường.	Thuốc hỗ trợ cắt con, cấp cứu, chi phí xét nghiệm và thuốc điều trị các bệnh cơ hội khác đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc, thời gian ở Trung tâm chữa bệnh GDLĐXH của Thành phố 24 tháng: mức 650,000 đồng /người/lần chấp hành quyết định.	Việc điều trị cắt con nghiện ma túy, khám sức khỏe định kỳ thực hiện theo quy định của Bộ Y tế. Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp. Cơ sở lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Tiền thuốc cắt con, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội; thuốc chữa bệnh thông thường là 650,000 đồng/người/lần chấp hành quyết định	
2	Khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần	Không quy định		Khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần: Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp. Tối đa 210,000 đồng/người/lần.	✓
3	Tiền học nghề	Mức tối đa 2,000,000 đồng/người/khóa học; hình thức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 7 Thông tư Liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH. Không hỗ trợ tiền học nghề cho những đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm từ lần thứ 2 trở đi.	Mức hỗ trợ cụ thể tùy theo từng đối tượng, từng nghề, thời gian học nghề thực tế và hình thức học nghề nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Không hỗ trợ tiền học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ 2 trở đi đã được học nghề.	Mức hỗ trợ học nghề trình độ sơ cấp nghề cho đối tượng cai nghiện bắt buộc là 2,000,000 đồng/người/khóa học (không hỗ trợ tiền học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ 2 trở đi đã được học nghề). Hình thức học nghề thực hiện theo điểm b khoản 7 Điều 5 Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH.	
II	Các khoản đóng góp đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện không thuộc đối tượng được Thành phố hỗ trợ kinh phí				
1	Tiền ăn	30,000 đồng/người/ngày	1. Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở Trung tâm (trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), gồm các khoản chi phí sau:	0.8 lần mức lương cơ sở/người/tháng	✓
2	Tiền thuốc cắt con, thuốc thông thường, test xét nghiệm ma túy	650,000 đồng/người/lần		650,000 đồng/người/6 tháng	✓ Áp dụng mức theo quy định tại NQ 22/2016/NQ-HĐND

TT	NỘI DUNG	Chế độ đang thực hiện theo QĐ số 14/QĐ-UBND ngày 09/5/2013	THEO TT số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBOXH	Liên Sở đề xuất	Ghi chú
3	Vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết	350,000 đồng/người/lần	a) Tiền ăn;	0.45 lần mức lương cơ sở/người/6 tháng ✓	Áp dụng mức theo quy định tại NQ 22/2016/NQ-HĐND
4	Tiền điện, nước sinh hoạt	70,000 đồng/người/tháng	b) Thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác;	80,000 đồng/người/tháng ✓	
5	Tiền hoạt động, văn hóa, thể thao	10,000 đồng/người/tháng	c) Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác;	10,000 đồng/người/tháng	
6	Đóng góp cơ sở vật chất	150,000 đồng người/6 tháng	d) Sinh hoạt văn nghệ, thể thao;	không thu	
7	Chi phí quản lý, phục vụ (Tiền công khám, chữa bệnh, giáo dục, chi phí thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, chi khác...)	1,500,000 đồng/người/6 tháng	đ) Học văn hoá, học nghề (nếu bản thân đối tượng có nhu cầu); e) Điện, nước, vệ sinh; g) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất; h) Phục vụ, quản lý. 2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức đóng góp trên cơ sở đảm bảo đủ chi phí.	không thu	
III Cai nghiện tại gia đình, cộng đồng					
1	Hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng	tối đa 350,000 đồng/người/tháng	Mức hỗ trợ cụ thể và số lượng cán bộ do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với điều kiện thực tế về số lượng đối tượng nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng và điều kiện địa lý của từng xã, phường, thị trấn nhưng mức tối đa là 350.000 đồng/người/tháng.	Tối đa 350,000 đồng/người/tháng. Quy trình, thủ tục thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBOXH-BYT-BCA ngày 10/02/2012 và Thông tư số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBOXH.	
2	Các khoản đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng				
a	Chi phí khám sức khỏe, xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn	200,000 đồng/người	Mức đóng góp cụ thể do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức đóng góp theo nguyên tắc đảm bảo đủ chi phí, phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương	200,000 đồng/người	
b	Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện	Nếu cai cắt cơn bằng thuốc Cedemex: 600,000 đồng/người. Nếu cai cắt cơn bằng thuốc Bông Sen: 2,700,000 đồng/người/1 đợt điều trị.		Nếu cai cắt cơn bằng thuốc Cedemex: 600,000 đồng/người. Nếu cai cắt cơn bằng thuốc Bông Sen: 2,700,000 đồng/người/1 đợt điều trị.	

TT	NỘI DUNG	Chế độ đang thực hiện theo QĐ số 14/QĐ-UBND ngày 09/5/2013	THEO TT số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH	Liên Sở đề xuất	Ghi chú
c	Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn	40,000 đồng/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày	Mức đóng góp cụ thể do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức đóng góp theo nguyên tắc đảm bảo đủ chi phí, phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương	40,000 đồng/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày	
d	Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có)	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGD&ĐT-BYT ngày 18/01/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.	Mức đóng góp cụ thể do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức đóng góp theo nguyên tắc đảm bảo đủ chi phí, phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGD&ĐT-BYT ngày 18/01/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy	
3	Chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng				
a	Chế độ miễn: Đối với người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người bị nhiễm HIV/AIDS; người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật; ngoài tiền thuốc, tiền ăn được hỗ trợ trong thời gian cai nghiện tập trung còn được miễn một số khoản chi phí như sau:				
-	Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn	200,000 đồng/người	Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng được xét miễn hoặc giảm một phần chi phí trong thời gian cai nghiện tập trung tại cộng đồng theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Căn cứ khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể chế độ miễn hoặc giảm đối với từng đối tượng.	200,000 đồng/người	
-	Tiền thuốc cai nghiện ma túy (phần chênh lệch giữa trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ)	200,000 đồng/người		200,000 đồng/người	
-	Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có)	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGD&ĐT-BYT ngày 18/01/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.	Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng được xét miễn hoặc giảm một phần chi phí trong thời gian cai nghiện tập trung tại cộng đồng theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Căn cứ khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể chế độ miễn hoặc giảm đối với từng đối tượng.	Miễn chi phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGD&ĐT-BYT ngày 18/01/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy	

TT	NỘI DUNG	Chế độ đang thực hiện theo QĐ số 14/QĐ-UBND ngày 09/5/2013	THEO TT số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH	Liên Sở đề xuất	Ghi chú
b	Chế độ giảm: Đối với người thuộc hộ cận nghèo được giảm 50% các khoản đóng góp cho nội dung chi phí, cụ thể người cai nghiện ma túy hoặc gia đình có trách nhiệm đóng góp như sau:				
-	Chi phí khám sức khỏe, xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt con	100,000 đồng/người	Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng được xét miễn hoặc giảm một phần chi phí trong thời gian cai nghiện tập trung tại cộng đồng theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Căn cứ khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể chế độ miễn hoặc giảm đối với từng đối tượng.	100,000 đồng/người	
-	Tiền thuốc hỗ trợ cắt con nghiện	100,000 đồng/người/lần chấp hành		100,000 đồng/người/lần chấp hành	
-	Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt con	20,000 đồng/ngày; thời gian tối đa không quá 15 ngày		20,000 đồng/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày	
-	Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có)	Đóng góp 50% chi phí (nếu có)		Đóng góp 50% chi phí (nếu có)	

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ HÀNG NĂM TĂNG THÊM ĐỀ XUẤT THEO THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 148

(Kèm theo Tờ trình Liên sở số: ~~1166~~ /TTr-LS:LĐTBXH-TC-YT ngày ~~26~~ tháng 4 năm 2017 của Sở Lao động Thương binh và xã hội, Tài chính, Y tế)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG KINH PHÍ	SỐ NGƯỜI	KINH PHÍ THEO ĐỊNH MỨC CŨ	KINH PHÍ THEO ĐỊNH MỨC MỚI	KINH PHÍ TĂNG THÊM HÀNG NĂM	GHI CHÚ
	TỔNG		1,968,500,000	2,178,500,000	210,000,000	
1	Ngân sách xã, phường, thị trấn chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; chế độ miễn, giảm cho người cai nghiện ma túy tại cộng đồng	300 CB - 15 người CN được miễn; 15 người CN được giảm 50% kinh phí	643,500,000	643,500,000	0	Phụ lục số 2.1
2	Ngân sách Thành phố chi cho đối tượng cai nghiện bắt buộc	500	1,325,000,000	1,535,000,000	210,000,000	Phụ lục số 2.2

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN HÀNG NĂM CÁC NỘI DUNG, MỨC CHI THEO TT 148

(Kèm theo Tờ trình Liên Sở số 1106/TTTr-LS:LĐTBXH-TC-YT ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Sở Lao động Thương binh và xã hội, Tài chính, Y tế)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	ĐVT	ĐỊNH MỨC	SỐ BUỔI/ NGÀY/ THÁNG	SỐ NGƯỜI	KINH PHÍ	GHI CHÚ
	TỔNG SỐ					643,500,000	
I	HỖ TRỢ CÁN BỘ THEO DÕI, QUẢN LÝ ĐỐI TƯỢNG CẠI NGHIỆN TẠI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG	người/tháng	350,000		300	630,000,000	Dự kiến 300 người
II	CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY CẠI NGHIỆN MA TÚY BẮT BUỘC TẠI CỘNG ĐỒNG					13,500,000	
1	Chế độ miễn: Đối với người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người chưa thành niên; người bị nhiễm HIV/AIDS; người thuộc diện bảo trợ xã hội; người khuyết tật (ngoài tiền thuốc, tiền ăn được hỗ trợ trong thời gian cai nghiện tập trung còn được miễn một số khoản chi phí như sau):					6,000,000	
	Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn	người	200,000		15	3,000,000	Dự kiến 5% số người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng
	Tiền thuốc cai nghiện ma túy (phần chênh lệch giữa trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ)	người	200,000		15	3,000,000	
	Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có)		Miễn đóng góp				
2	Chế độ giảm: Đối với người thuộc hộ cận nghèo được giảm 50% các khoản đóng góp cho nội dung chi phí, cụ thể như sau:					7,500,000	
	Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn	người	100,000		15	1,500,000	Dự kiến 5% số người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng
	Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện	người/ lần	100,000		15	1,500,000	
	Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn	người/ ngày	20,000		15	4,500,000	Dự kiến 5% số người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, thời gian cai nghiện tập trung 15 ngày
	Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có)		Đóng góp 50% chi phí				

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHI HÀNG NĂM CÁC NỘI DUNG, MỨC CHI CHO ĐỐI TƯỢNG CẢI NGHIỆN BẮT BUỘC

(Kèm theo Tờ trình Liên Sở số: 116/LTTr-LS:LĐT BXH-TC-YT ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính, Y tế)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	ĐVT	Số người	Số ngày/ tháng/ năm	Thực hiện theo QĐ 14/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013				Biểu phí đề nghị điều chỉnh				Ngân sách hỗ trợ phần chênh lệch so với chế độ đang thực hiện	Ghi chú
					Định mức cũ	Kinh phí	Chia ra		Định mức mới	Kinh phí	Chia ra			
							NSTP	GĐ đóng			NSTP	GĐ đóng		
	TỔNG					1,325,000,000	1,325,000,000	0	0	1,535,000,000	1,535,000,000	0	210,000,000	
	Các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định cải thiện bắt buộc		500			1,325,000,000	1,325,000,000	0		1,535,000,000	1,535,000,000	0	210,000,000	Dự kiến 500 người CNBB/năm
1	Thuốc hỗ trợ cắt con, cấp cứu, chi phí xét nghiệm và thuốc điều trị các bệnh cơ hội khác	người/ lần	500	1	650,000	325,000,000	325,000,000		650,000	325,000,000	325,000,000		0	
2	Khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần	người/ lần	500	2	0	0	0		210,000	210,000,000	210,000,000		210,000,000	
3	Học nghề	người/ lần	500	1	2,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000		2,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000		0	

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
LIÊN SỞ: LAO ĐỘNG THƯƠNG
BINH XÃ HỘI - TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 752/TTr-LS:LĐTBXH-TC

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội;
(Thay thế Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND Thành phố)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Chương trình công tác số 22/CTr-UBND ngày 02/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố và công văn số 705/UBND-TH ngày 22/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc rà soát, chuẩn bị các nội dung trình kỳ họp giữa năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố, Liên Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính kính đề nghị UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết thay thế Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định việc trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của Thành phố Hà Nội như sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản

Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về việc trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội. Đây là chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội được thực hiện từ tháng 6/2002¹ với mức trợ cấp 50.000 đồng/người/tháng; Năm 2006 tăng lên 100.000 đồng/người/tháng^{2,3}; Năm 2010 tăng lên 200.000 đồng/người/tháng⁴; Năm 2011 tăng lên 350.000 đồng/người/tháng⁵ (tương đương mức chuẩn trợ cấp bảo trợ xã

¹ Quyết định số 4146/QĐ-UBND ngày 12/6/2002 của UBND thành phố Hà Nội về việc hỗ trợ kinh phí hộ chính sách nghèo nhân kỷ niệm 55 năm ngày Thương binh Liệt sỹ.

² Quyết định số 74/2006/QĐ-UBND ngày 23/5/2006 của UBND thành phố Hà Nội về nâng mức trợ cấp hàng tháng cho đối tượng cứu trợ xã hội, người tàn tật, già yếu ốm đau thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động thoát nghèo và người cao tuổi từ 90 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp xã hội tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

³ Quyết định số 41/2009/QĐ-UBND ngày 15/01/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc trợ cấp hàng tháng cho người già yếu, bị bệnh hiểm nghèo, gia đình không có khả năng thoát nghèo.

⁴ Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định mức trợ cấp cho người già yếu ốm đau, người bị bệnh hiểm nghèo không còn khả năng lao động thoát nghèo.

⁵ Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND ngày 31/12/2011 của UBND thành phố Hà Nội.

hội của thành phố Hà Nội). Quy định này nhằm thể hiện sự quan tâm của Thành phố đối với nhóm đối tượng không có khả năng lao động thoát nghèo, không thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội và các khoản trợ cấp khác. Mỗi năm có khoảng 6.000 người được hưởng trợ cấp, với kinh phí trên 20 tỷ đồng/năm.

Đến nay, một số căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định 53/2011/QĐ-UBND đã hết hiệu lực như: Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 được thay thế bằng Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 được thay thế bằng Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015. Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thẩm quyền ban hành quy định trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

Vì vậy Liên Sở Lao động- Thương binh và Xã hội – Tài chính kính báo các UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội thay thế Quyết định 53/2011/QĐ-UBND của UBND Thành phố để phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo

1. Mục đích

- Ban hành Nghị quyết quy định trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội thay thế Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố để phù hợp với Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật đối với đối tượng là người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên thuộc gia đình nghèo của Thành phố.

- Thể hiện sự quan tâm của Đảng, Chính quyền đối với nhóm đối tượng đặc thù mà hiện nay Trung ương chưa quy định: Nhóm đối tượng thường xuyên ốm đau, không tự phục vụ được bản thân, mắc các bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động tạo ra thu nhập.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành.

- Giữ nguyên các nội dung đã quy định tại Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND, không gây tăng ngân sách do không tăng mức trợ cấp, không tăng thủ tục hành chính.

- Đảm bảo chính sách đang thực hiện không thay đổi, không tác động xấu

đến kinh tế, xã hội, không gây xáo trộn đời sống dân sinh.

III. Quá trình xây dựng văn bản

Thực hiện ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Liên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính nghiên cứu các văn bản pháp luật có liên quan và dự thảo Tờ trình, Nghị quyết theo đúng hình thức quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp theo quy định.

IV. Nội dung cơ bản:

1. Đối tượng:

Người thuộc hộ nghèo là người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động (giữ nguyên theo quy định tại Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố).

2. Mức trợ cấp: 350.000 đồng/người/ tháng (giữ nguyên theo quy định tại Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố; mức trợ cấp bằng mức chuẩn trợ cấp bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội (hệ số 1-350.000 đồng) và không thay đổi từ năm 2011 đến nay).

3. Dự kiến kinh phí và nguồn kinh phí:

3.1. Dự kiến kinh phí

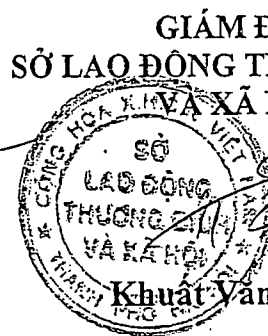
$6.500 \text{ người} \times 350.000 \text{ đồng/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 27.300.000.000 \text{ đồng}$
(Hai mươi bảy tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn)

3.2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo.

Liên Sở: Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính kính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định./.

GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI CHÍNH

Hà Minh Hải

GIÁM ĐỐC
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Khuất Văn Thành

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND TP Ngô Văn Quý;
- PCT UBND TP Nguyễn Doãn Toàn;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: SLĐTBXH, STC.

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2017

Số 913 /TTr-STP-STC

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV; Liên Sở Tư pháp – Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố, phê duyệt Nghị quyết về quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

I. Sự cần thiết ban hành văn bản:

Thành phố Hà Nội với đặc thù là trung tâm Chính trị - Văn hoá, trung tâm kinh tế lớn của cả nước có vai trò là động lực kinh tế Khu vực Đồng bằng bắc bộ diện tích rộng, dân cư đông, các lĩnh vực quản lý phức tạp, đa dạng. Do vậy, đòi hỏi công tác quản lý xã hội bằng pháp luật là rất cao, công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố là thường xuyên. Mặt khác, do tính chất của công tác quản lý của Thành phố là phát huy mọi nguồn lực phục vụ cho Thủ đô phát triển nhanh, bền vững nên hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố ban hành có nội dung phức tạp, phải lấy ý kiến tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị, nhiều cấp, ngành, lĩnh vực.

Ngày 28/12/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 338/2016/TT-BTC ban hành quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 92/2014/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 14/7/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây

dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Theo đó Điều 7, Khoản 1 quy định “*Căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định mức phân bổ cụ thể đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện cho phù hợp*”.

Do vậy, cần thiết phải quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. Đề xuất định mức kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính ban hành quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

a. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b. Đối tượng áp dụng

Định mức phân bổ được đảm bảo cho công tác xây dựng và hoàn thiện các Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp thuộc thành phố Hà Nội ban hành.

b. Nguyên tắc xây dựng

- Xây dựng mức chi trên cơ sở Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính ban hành quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Quy định định mức phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng cân đối của ngân sách.

3. Đề xuất định mức kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật

Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội theo mức tối đa quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, cụ thể:

“1. Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế:

- Thành phố là 10 triệu đồng/văn bản;
- Quận, huyện, thị xã là 8 triệu đồng/văn bản;
- Xã, phường, thị trấn là 6 triệu đồng/văn bản;

b) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung thì định mức phân bổ bằng 80% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế;

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và các quy định hiện hành.

IV. Về nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện

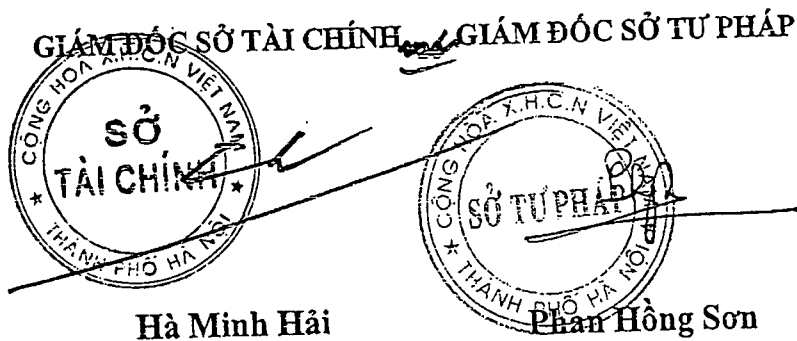
Kinh phí thực hiện xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

Liên Sở Tư pháp – Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- Chánh VP UBND TP
- Các phòng: KT, TKBT;
- Lưu: VT, VBQP.

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP



Hà Minh Hải Phan Hồng Sơn